



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 31/2021
Từ 02/8 - 06/8/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ:

**PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG: QUYẾT LIỆT
HƠN NỮA, HIỆU QUẢ HƠN NỮA, KHÔNG NGỪNG,
KHÔNG NGHỈ VÀ CHỈ CÓ TIỀN LÊN**

Ngày 05/8, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (Ban Chỉ đạo) đã họp phiên thứ 20, đánh giá tình hình, kết quả công tác 6 tháng đầu năm, xác định nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 và xem xét quyết định một số vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chủ trì phiên họp.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu Ban Chỉ đạo phải chỉ đạo tất cả các cấp, ngành đồng bộ, không làm thay. Ảnh: TTXVN

Đây là phiên họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, diễn ra trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, bùng phát mạnh tại nhiều địa phương trong cả nước.

Xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực

Trong 6 tháng đầu năm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật đối với trên 70 tổ chức đảng, trên 8.000 đảng viên vi phạm, trong đó có gần 180 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, cố ý làm trái và hơn 20 đảng viên bị kỷ luật do vi phạm về kê khai tài sản, thu nhập. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thành lập 14 đoàn kiểm tra, trong đó có 10 đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với các tổ chức đảng, đảng viên liên quan đến các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo. Qua kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kiến nghị xử lý kỷ luật một tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, 7 cán bộ diện Trung ương quản lý và nhiều cán bộ, lãnh đạo các doanh nghiệp Nhà nước có sai phạm.

Ngành Thanh tra, kiểm toán đã phát hiện có sai phạm về kinh tế 54.474 tỷ đồng và 1.760 ha đất; kiến nghị xử lý tài chính hơn 23.499 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 7.017 tỷ đồng và 644 ha đất; kiến nghị xử lý hành chính 851 tập thể và 2.073 cá nhân. Qua công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, ngành thanh tra đã phát hiện, xử lý 20 vụ, 35 đối tượng tham nhũng và có liên quan đến tham nhũng.

Khẩn trương đưa ra xét xử kịp thời 4 vụ án trọng điểm

Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng kinh tế được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, khởi tố mới nhiều vụ án, nhiều bị can, trong đó có nhiều bị can là cán bộ cấp cao, thực hiện đúng quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Trong 6 tháng đầu năm 2021, các cơ quan tố tụng cả nước đã khởi tố mới 1.850 vụ án/3.294 bị can về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ, trong đó có 144 vụ án/384 bị can về các tội tham nhũng. Các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, từ sau phiên họp thứ 19 của Ban Chỉ đạo đến nay, đã khởi tố mới 7 vụ án/35 bị can, khởi tố thêm 55 bị can trong 10 vụ án; phục hồi điều tra 1 vụ án/7 bị can; kết thúc điều tra 12 vụ án/111 bị can, kết thúc điều tra bổ sung 2 vụ án/23 bị can; truy tố 11 vụ án/112 bị can; xét xử sơ thẩm 13 vụ án/82 bị cáo, xét xử phúc thẩm 6 vụ án/20 bị cáo.

Các cơ quan chức năng khẩn trương đưa ra xét xử kịp thời 4 vụ án trọng điểm: Vụ án “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” và “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” xảy ra tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và nhiên liệu sinh học dầu khí Ethanol Phú Thọ, Tổng Công ty Xây lắp dầu khí Việt Nam.

Vụ án “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng; vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” xảy ra tại Dự án cải tạo và mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên.

Vụ án “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí; vi phạm các quy định về quản lý đất đai” xảy ra tại Bộ Công Thương và Tổng Công ty Bia-rượu-nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) liên quan đến dự án 2-4-6 Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Vụ án "Buôn lậu; vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng; vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng" xảy ra tại Công ty Nhật Cường và một số đơn vị liên quan.

Khắc phục tình trạng ‘trên nóng dưới lạnh’

Qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát nội bộ, các bộ, ngành đã phát hiện chuyển 125 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Điển hình như Thanh tra Chính phủ chuyển 26 vụ, Bộ Tài chính chuyển 95 vụ, Ngân hàng Nhà nước phát hiện, xử lý 5 vụ việc/5 người...

Cơ quan chức năng đã xử lý kỷ luật 27 cán bộ, chiến sĩ trong công an nhân dân, 16 cán bộ, đảng viên trong Quân đội nhân dân do tham nhũng, tiêu cực. Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã khởi tố mới 16 vụ án/19 bị can tham nhũng trong hoạt động tư pháp.

Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng ở nhiều địa phương có chuyển biến tích cực, khắc phục tình trạng “trên nóng dưới lạnh”. Các địa phương, thanh tra, kiểm tra đã chuyển 80 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Nhiều địa phương đã khởi tố mới nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế như: Khánh Hòa 7 vụ/8 bị can; Thanh Hóa 7 vụ/16 bị can; Bắc Ninh 6 vụ/22 bị can; Nam Định 5 vụ/10 bị can; Phú Thọ 4 vụ/10 bị can; Thái Nguyên 4 vụ/6 bị can; Quảng Nam 4 vụ/7 bị can; Nghệ An 3 vụ/8 bị can; Hà Tĩnh 3 vụ/7 bị can; Tây Ninh 3 vụ/7 bị can... Một số địa phương đã chủ động phát hiện và kiên quyết xử lý nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp được dư luận đồng tình, đánh giá cao như: Khánh Hòa, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, An Giang, Phú Yên, Sơn La...

Công tác thu hồi tài sản tham nhũng tiếp tục được quan tâm, đạt được nhiều kết quả. Các cơ quan tố tụng đã thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, ngăn chặn giao dịch tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế có giá trị hơn 14.413 tỷ đồng. Cơ quan thi hành án dân sự đã thu hồi hơn 1.995 tỷ đồng. Các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, ngăn chặn tẩu tán tài sản trị giá trên 1.467 tỷ đồng và nhiều tài sản có giá trị khác, trong giai đoạn thi hành án đã thu hồi gần 1.900 tỷ đồng.

Thế chế về xây dựng Đảng, quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, góp phần tạo cơ sở chính trị - pháp lý đồng bộ, khả thi để phòng, chống tham nhũng hiệu quả.

Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng tiếp tục được đẩy mạnh; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo chí và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng.

Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo và các cơ quan chức năng tiếp tục duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả.

Tiếp tục mở rộng điều tra, xử lý nghiêm các sai phạm

Về nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021, Ban Chỉ đạo yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng vừa phải tập trung cao cho công tác phòng, chống dịch COVID-19, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, vừa phải tập trung chỉ đạo hoàn thành các nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm 2021.

Ban Chỉ đạo tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xác minh, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo. Phân đầu đến hết năm 2021 kết thúc điều tra 2 vụ án, ban hành cáo trạng truy tố 6 vụ án, xét xử sơ thẩm 9 vụ án, xét xử phúc thẩm 7 vụ án, kết thúc xác minh, giải quyết 5 vụ việc theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chỉ đạo tiếp tục mở rộng điều tra, xử lý nghiêm các sai phạm trong các vụ án, vụ việc xảy ra ở Đồng Nai, Khánh Hòa, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.

Các cơ quan khẩn trương đưa xét xử các vụ án: Vụ án “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

Vụ án “Tham ô tài sản, vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, xảy ra tại Công ty TNHH MTV Phát triển công nghiệp Tân Thuận (IPC), Công ty Phát triển Nam Sài Gòn (Sadeco) và các đơn vị liên quan.

Vụ án “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” xảy ra tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và xây dựng Tân Thuận.

Vụ án “Đưa hối lộ”, “Môi giới hối lộ”, “Nhận hối lộ” liên quan đến Phan Văn Anh Vũ.

Vụ án "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh" xảy ra tại Cục Quản lý dược (Bộ Y tế), Công ty VN Pharma và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Ban Chỉ đạo tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, những vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội. Nhất là khẩn trương hoàn thành kết luận thanh tra chuyên đề diện rộng về quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm thuốc chữa bệnh và trang thiết bị y tế; thanh tra việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa sang kinh doanh bất động sản giai đoạn 2011 - 2017 theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo quan tâm chỉ đạo việc rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế về xây dựng Đảng, quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng; khẩn trương cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng theo văn kiện Đại hội XIII của Đảng; xem xét sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật trên các lĩnh vực mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán kiến nghị, đề xuất; hoàn thiện trình Bộ Chính trị ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các đề án khác theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo tiếp tục chỉ đạo làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Các thành viên Ban Chỉ đạo cho ý kiến đối với Đề án sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo để chỉ đạo phòng, chống cả tham nhũng và tiêu cực.

Công tác phòng, chống tham nhũng ngày càng quyết liệt hơn

Kết luận Phiên họp, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đánh giá cao Ban Nội chính Trung ương - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã chuẩn bị các tài liệu phiên họp rất công phu, nghiêm túc, thận trọng.

Tổng Bí thư nhấn mạnh, trong 6 tháng đầu năm 2021, đất nước đứng trước nhiều sự kiện trọng đại, yêu cầu nhiệm vụ lớn, nhất là sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội thành công tốt đẹp, kiện toàn bộ máy mới của Chính phủ, Quốc hội, các cơ quan không chỉ ở Trung ương và các địa phương, tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, tất cả mọi việc đều tiến hành tốt, trong đó công tác phòng, chống tham nhũng vẫn không ngừng, không nghỉ, thậm chí ngày càng quyết liệt hơn, ngày

càng có hiệu quả cao hơn và thêm nhiều bài học quý, nhiều kinh nghiệm tốt hơn. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng làm quyết liệt, làm có bài bản, có kinh nghiệm hơn gần như thành quy trình, khâu nào làm trước, làm sau, phối hợp rất nhuần nhuyễn.

Thống nhất phương hướng thời gian tới phải làm mạnh hơn nữa, quyết liệt hơn nữa, hiệu quả cao hơn nữa, không ngừng, không nghỉ và chỉ có tiến lên, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lưu ý, đây là vì sự nghiệp chung, không thể không làm, cắt một vài cành sâu để cứu cả cây, làm rất quyết liệt, nhưng nhân văn, nhân đạo, rất có lý, có tình, tâm phục, khẩu phục. Nội bộ Ban Chỉ đạo đoàn kết thống nhất. Nhiệm vụ sắp tới còn nặng nề, khó khăn, không được chủ quan và mong mỏi của Nhân dân vẫn là phải tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng không được dừng.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chỉ đạo để làm những vụ án trọng điểm, những vụ án lớn, những vụ án mà tác động nguy hiểm, để làm răn đe cho các cơ quan, các địa phương khác. Ban Chỉ đạo không làm thay các cơ quan chức năng. Các cơ quan chức năng vẫn phải làm theo quy định của Đảng, Nhà nước, không trông chờ vào Ban Chỉ đạo có chỉ đạo mới làm.

Tổng Bí thư nhấn mạnh, vừa qua, công tác phòng, chống tham nhũng đã có kinh nghiệm là làm liên tục, bền bỉ, bài bản, trở thành yêu cầu cấp bách, một nhiệm vụ thường xuyên, một xu thế, một phong trào không làm không được, không ngừng không nghỉ, không có ngoại lệ... Các cơ quan chức năng cần phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng. Các thành viên Ban Chỉ đạo phải trao đổi thẳng thắn, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Tổng Bí thư đã chỉ ra những hạn chế như: Việc triển khai một số nhiệm vụ công tác và tiến độ xử lý một số vụ án, vụ việc còn chậm. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong một số trường hợp còn chưa tốt, không đúng tiến bộ; vẫn còn tình trạng cấp dưới ỷ lại cấp trên...

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu, Ban Chỉ đạo phải chỉ đạo tất cả các cấp, ngành đồng bộ, không làm thay; phát huy sức mạnh toàn dân, toàn hệ thống chính trị, huy động được sức mạnh không chỉ của các cơ quan chức năng mà còn cả các đoàn thể quần chúng, Mặt trận Tổ quốc và Nhân dân.

Ban Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh, làm tốt hơn nữa, chất lượng cao hơn nữa, khắc phục những khâu yếu, việc khó, phải chú ý khâu tự kiểm tra, tự xử lý và phải giao nhiệm vụ, yêu cầu các cấp dưới thực hiện.

Về sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh, cần xác định rõ nội hàm của công tác phòng, chống tiêu cực; trọng tâm là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; giao cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tiếp thu, hoàn thiện.

Nguồn: ttXVN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỈ THỊ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, THU NHẬP GẮN VỚI ĐẶC THÙ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Ngày 5/8, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg về nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước.

Chỉ thị nêu: Thời gian qua, việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước đã đạt những kết quả quan trọng; chất lượng công việc được nâng cao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác quản lý và thực hiện nhiệm vụ; các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước chủ động sử dụng nguồn lực tài chính được giao theo quy định để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác, phát triển nguồn nhân lực và đầu tư trang thiết bị phục vụ cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính; góp phần bảo đảm thu nhập, đãi ngộ hợp lý, thu hút được đội ngũ công chức có trình độ chuyên môn và trách nhiệm cao phục vụ công việc; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí gắn với thực hiện có chất lượng nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù còn một số hạn chế, khó khăn, cụ thể: Tính pháp lý về thẩm quyền và quy định pháp luật chưa đồng nhất, trong đó thẩm quyền quyết định cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù được quy định ở nhiều cấp và bằng các hình thức văn bản khác nhau; mức độ tự chủ về nguồn lực tài chính của các cơ quan có sự khác nhau tạo ra sự chênh lệch về thu nhập giữa các vị trí công việc tương đương trong các đơn vị thuộc cùng một Bộ, ngành cũng như giữa các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành khác cùng thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước; phân phối thu nhập ở một số đơn vị còn mang tính cào bằng, bình quân; thiếu các chỉ tiêu cụ thể đánh giá kết quả, hiệu quả công việc; chưa bảo đảm sự khách quan, công khai, minh bạch...

Để khắc phục những hạn chế, bất cập, nâng cao hiệu quả thực hiện và đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; thực hiện Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 09/10/2020 của Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 129/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương, điểm d Khoản 3 Mục II Nghị quyết số 01-NQ/CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán

ngân sách Nhà nước năm 2021, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan liên quan tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung chủ yếu.

Tách bạch cơ chế quản lý của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Chỉ thị nêu rõ mục tiêu, nguyên tắc, quan điểm định hướng:

1. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước cần bảo đảm nguyên tắc phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước, chức năng cung ứng dịch vụ công, việc cung ứng dịch vụ phục vụ quản lý Nhà nước, tách bạch cơ chế quản lý của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện thống nhất chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương.

2. Tiếp tục phát huy kết quả tích cực của cơ chế quản lý tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước có nguồn tài chính hợp pháp theo quy định pháp luật (từ nguồn thu phí được để lại chi, từ nguồn thu hoạt động nghiệp vụ) bảo đảm bù đắp chi hoạt động của cơ quan; các cơ quan quản lý hành chính đã được cấp có thẩm quyền giao khoán ổn định biên chế và dự toán chi ngân sách Nhà nước trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

3. Các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước được áp dụng cơ chế quản lý tài chính có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính được giao theo chế độ quy định, đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Phí và lệ phí và các quy định pháp luật liên quan; nêu cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài chính trong thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm sự công khai, minh bạch; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính trong việc quản lý thu, chi tài chính của cơ quan.

Năm 2022, tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tối thiểu 15%

Chỉ thị cũng nêu rõ lộ trình và giải pháp thực hiện. Theo đó, từ năm 2021 cho tới khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, tiếp tục thực hiện cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đối với dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021, thực hiện tiết kiệm chi tối thiểu 15% so với dự toán được giao năm 2020. Đối với dự toán năm 2022, tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tối thiểu 15% so với dự toán năm 2021 (ngoài chi lương, các khoản đóng góp theo lương theo chế độ quy định) để tiết kiệm chi hoặc tăng thu ngân sách Nhà nước.

Trước ngày 15/8/2021, yêu cầu các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước tự bảo đảm chi hoạt động từ nguồn tài chính hợp pháp theo quy định pháp luật (nguồn thu dịch vụ, nguồn thu phí được để lại theo chế độ); các cơ quan quản lý hành chính đã được cấp có thẩm quyền giao khoán ổn định biên chế và dự toán chi ngân sách Nhà nước trong thời gian từ 3 đến 5 năm thực hiện đánh giá việc thực hiện cơ chế tài chính gắn với đặc thù của cơ quan, đơn vị thời gian qua và đề xuất, kiến nghị các giải pháp bảo đảm hiệu quả hoạt động của các cơ quan được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW (trong đó có giải pháp phù hợp bảo đảm nguồn cho việc thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật và các khoản chi cần thiết khác ngoài tiền lương, thu nhập) gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, chủ trì, phối hợp với các

bộ, cơ quan liên quan đề xuất đổi mới cơ chế tài chính gắn với đặc thù của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trong giai đoạn tới báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Rà soát, bãi bỏ chế độ chi bồi dưỡng, các khoản chi ngoài lương có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù và các Bộ, ngành có các cơ quan hành chính trực thuộc được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù đơn vị chuẩn bị các công việc cần thiết để triển khai thực hiện theo lộ trình trên, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính; sử dụng kinh phí đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả, công khai, minh bạch; xử lý nghiêm các vi phạm.

b) Rà soát các văn bản do Bộ, cơ quan Trung ương ban hành, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi hoặc sửa đổi theo thẩm quyền để bãi bỏ nội dung liên quan đến chế độ chi bồi dưỡng, các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước (như: Tiền bồi dưỡng họp, tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, hội thảo...), trong đó xác định rõ thời gian hoàn thành để bảo đảm có hiệu lực thi hành cùng thời điểm thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

c) Rà soát, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật; bố trí viên chức hoặc người lao động đúng chức trách, nhiệm vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực.

d) Phân tích, đánh giá và đề xuất, kiến nghị các giải pháp, cơ chế bảo đảm hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau khi thực hiện chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW (trong đó có giải pháp, cơ chế bảo đảm nguồn cho việc thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật và các khoản chi cần thiết khác, ngoài tiền lương, thu nhập) trên cơ sở quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, phí và lệ phí và các quy định pháp luật có liên quan; xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 của cơ quan, đơn vị theo cơ chế trên, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 (tháng 10/2021).

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, ngành, cơ quan phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ hoàn thiện quy định về chế độ công chức, công vụ, xác định vị trí việc làm, cơ cấu công chức của đơn vị quản lý gắn với chức danh, chức vụ, nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách đánh giá cán bộ, công chức gắn với cải cách chính sách tiền lương để phát huy trách nhiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021 - 2030”

Ngày 31/7, Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 3748/BNV-VP về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

Mục tiêu chung của Đề án nhằm tiếp tục và tạo chuyên biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Để triển khai thực hiện Đề án tại Bộ Nội vụ, Bộ trưởng yêu cầu các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức, người lao động về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 trong điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng môi trường học tập suốt đời tại nơi làm việc đáp ứng yêu cầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và văn hóa công sở.

Bộ trưởng giao Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chủ trì, tham mưu xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” của Bộ Nội vụ, hoàn thành trong tháng 8 năm 2021. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ đề xuất biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng xã hội học tập của Bộ Nội vụ. Đồng thời, phối hợp với Học viện Hành chính Quốc gia, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội và các đơn vị có liên quan tổ chức hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam hằng năm.

Giao Học viện Hành chính Quốc gia và Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức các hoạt động của đơn vị, đặc biệt là công tác giảng dạy nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

Tiếp tục nghiên cứu, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến và từ xa; chú trọng công tác kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Tăng cường xây dựng, khai thác, tích hợp, chia sẻ nguồn học liệu mở phục vụ tốt nhất yêu cầu xã hội học tập của Bộ Nội vụ và của xã hội.

Tăng cường thúc đẩy, triển khai có hiệu quả hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập trên nền tảng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nguồn: moha.gov.vn

BỘ Y TẾ: ĐẨY MẠNH CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, ĐỔI MỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua Bộ Y tế đã tổ chức rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, nhờ đó đã đạt được một số kết quả quan trọng như: chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh việc phân cấp cho địa phương, cắt giảm các điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành, từng bước thiết lập và vận hành nền hành chính phục vụ, từ đó, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của Bộ Y tế năm 2020.

Tuy nhiên, việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính còn chậm; tồn đọng nhiều hồ sơ; một số quy định thủ tục hành chính chưa rõ ràng, minh bạch về quy định hồ sơ, trình tự thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị trong quy trình giải quyết. Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: Một số đơn vị chưa quan tâm đôn đốc, thúc đẩy việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính; Chưa chú trọng đầu tư đúng mức cả về nhân lực, vật lực cho công tác cải cách thủ tục hành chính và việc lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Việc liên thông và chia sẻ thông tin, dữ liệu khi tích hợp hệ thống dịch vụ công của các đơn vị lên Cổng dịch vụ công Bộ Y tế còn gặp một số vấn đề kỹ thuật nên thông tin, dữ liệu chưa hoàn toàn chính xác và đầy đủ.

Nhằm khẩn trương khắc phục các hạn chế nêu trên, ngày 30/7/2021, Bộ trưởng Bộ Y tế ký ban hành Chỉ thị số 08/CT-BYT về việc đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đổi mới nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Y tế yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm:

Thứ nhất, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được lãnh đạo Bộ giao tại Kế hoạch số 154/KH-BYT ngày 09/2/2021 của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 và Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 06/7/2017 của Chính phủ thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2594/QĐ-BYT ngày 26/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Y tế.

Thứ hai, chấn chỉnh ngay việc giải quyết thủ tục hành chính tại đơn vị, hạn chế tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần; đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành

chính, khắc phục tình trạng thiếu công khai, minh bạch thông tin về thủ tục hành chính; khắc phục tình trạng quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi xảy ra tình trạng chậm, muộn trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thứ ba, phối hợp với Văn phòng Bộ trong quá trình dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý đồng thời với việc xây dựng nội dung văn bản để đảm bảo Quyết định được Lãnh đạo Bộ ký ban hành đúng thời hạn.

Thứ tư, tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, bảo đảm tạo thuận lợi và đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thứ năm, tiếp nhận, xử lý và trả lời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính của ngành Y tế gửi đến Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng dịch vụ công quốc gia do Văn phòng Bộ chuyển.

Thứ sáu, rà soát, chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hợp lý, dễ thực hiện, minh bạch, rõ trách nhiệm của cơ quan đơn vị trong quy trình giải quyết.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

THANH TRA CHÍNH PHỦ: ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ĐỂ CẢI THIẾN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Ngày 24/6/2021, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR Index) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020 (SIPAS). Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Thanh tra Chính phủ đã có Báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 26/7/2021 về Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 và triển khai các nhiệm vụ để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Thanh tra Chính phủ.

Thanh tra Chính phủ được xét là cơ quan có chức năng, nhiệm vụ đặc thù nên có tổ chức chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính nhưng không xếp hạng chung với các Bộ, ngành khác. Theo kết quả công bố, Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của Thanh tra Chính phủ đạt 81,2/100 điểm, xếp vào nhóm các Bộ, ngành có điểm số thấp. So với kết quả năm 2019, một số giá trị của các Chỉ số cải cách hành chính theo từng lĩnh vực bị giảm điểm như: Cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách tài chính công, hiện đại hóa hành chính. Điểm số năm 2020 đạt 81,2 điểm (giảm 5,3 điểm so với năm 2019 đạt 86,5 điểm). Tổng điểm năm 2020 bị trừ là 18,8 điểm, trong đó thực hiện nhiệm vụ bị trừ 11 điểm và Điều tra xã hội học bị trừ 7,8 điểm.

Để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, khắc phục tình trạng một số tiêu chí bị trừ điểm cũng như đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 và những năm tiếp theo, Tổng Thanh tra Chính phủ yêu cầu:

Thứ nhất, Thủ trưởng các vụ, cục, đơn vị phải xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị mình.

Thứ hai, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, rà soát lại các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính, nhất là những nội dung bị trừ điểm, chưa có điểm để chỉ đạo sát sao về việc xây dựng các kế hoạch, phương án khắc phục, về việc thời hạn gửi các báo cáo, nội dung các báo cáo, việc cập nhật dữ liệu lên phần mềm, công bố, công khai thủ tục hành chính, xây dựng cổng dịch vụ công... đảm bảo các nhiệm vụ đều được tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ, đầy đủ nội dung và đảm bảo chất lượng.

Thứ ba, tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát hiện những nội dung chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng phải kịp thời báo cáo chi tiết lý do, nguyên nhân chậm trễ, kém chất lượng; đồng thời, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc và chủ động đề xuất phương án khắc phục; ngoài kế hoạch cải cách hành chính chung của Thanh tra Chính phủ, các vụ, cục, đơn vị cần chủ động rà soát đối với kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của đơn vị mình đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA: CÓ 8 DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ DOANH NGHIỆP

Dịch vụ hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương là 1 trong số 8 dịch vụ được triển khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Văn phòng Chính phủ đã chủ động phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Tài chính, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) xây dựng và cung cấp 8 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://ncovi.dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-ncovid-danh-sach-dich-vu-cong.html> để hỗ trợ cho các đối tượng.

Tám dịch vụ công bao gồm các dịch vụ hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí tử tuất; hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; người lao động ngừng việc; người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; đề nghị gia hạn

nộp thuế và tiền thuế cho doanh nghiệp; đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất cho cá nhân; gửi phản ánh, kiến nghị.

Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) cho biết quy trình thực hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia đã được đơn giản tối đa. Khi người dân đăng nhập và khai, nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trừ các thành phần hồ sơ, dữ liệu đã được Cổng dịch vụ công quốc gia kết nối, chia sẻ với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các biểu mẫu sẽ được điện tử hóa), dữ liệu sẽ được chuyển đến cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận.

Sau khi nhận được xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội, Cổng dịch vụ công quốc gia có trách nhiệm chuyển hồ sơ trực tuyến này đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trên Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh hoặc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trong trường hợp Hệ thống một cửa cấp tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu cho phép tiếp nhận hồ sơ trực tuyến thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết thực hiện việc tiếp nhận và cập nhật trạng thái, kết quả giải quyết theo tài khoản do Cổng dịch vụ công quốc gia cấp.

Việc thực hiện các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo hướng tận dụng tối đa các dữ liệu đã kết nối, liên thông giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các cơ quan có thẩm quyền, giúp cho việc giải quyết thủ tục được nhanh chóng, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không bị trùng lặp, không bị lợi dụng, trục lợi chính sách; giảm việc đi lại, tiếp xúc của đối tượng với chính quyền trong giải quyết chế độ, chính sách, nhất là trong thời điểm dịch bệnh đang bùng phát.

Nguồn: ttxvn/vietnam+

GẦN 48.500 DOANH NGHIỆP THAM GIA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA

Từ khi triển khai đến hết tháng 7/2021, có 226 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành được chính thức triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia, với xấp xỉ 3,97 triệu hồ sơ của gần 48.500 doanh nghiệp.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7 vừa qua, số hồ sơ được xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia xấp xỉ 80.000 hồ sơ, với khoảng gần 800 doanh nghiệp tham gia. Lũy kế từ khi triển khai đến hết tháng 7/2021, có 226 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành được chính thức triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia, với xấp xỉ 3,97 triệu hồ sơ của gần 48.500 doanh nghiệp.

Ngoài vận hành hệ thống và phối hợp với các Bộ, ngành xử lý thủ tục của cộng đồng doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan - Cơ quan Thường trực Ủy ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN (ASW), Cơ chế một cửa quốc gia (NSW) và tạo thuận lợi thương mại (Ủy ban 1899) đang hoàn thiện nội dung thuyết minh về giải pháp và định hướng xây dựng Đề án tổng thể xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ triển khai NSW, ASW

theo định hướng xử lý tập trung. Đồng thời, xây dựng chương trình, chuẩn bị tài liệu họp trực tuyến của Ủy ban 1899.

Về triển khai Cơ chế một cửa ASEAN, Việt Nam tiếp tục trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với 9 nước ASEAN. Tháng 7/2021, số C/O Việt Nam nhận từ các nước ASEAN xấp xỉ 17.000; số C/O Việt Nam gửi sang các nước trên 31.400. Lũy kế từ khi triển khai đến hết tháng 7/2021, số C/O Việt Nam nhận từ các nước ASEAN là 383.446; số C/O Việt Nam gửi sang các nước là 970.894.

Ngoài ra, Tổng cục Hải quan đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để sẵn sàng trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN và chứng nhận kiểm dịch thực vật với Indonesia, Thái Lan. Dự kiến, Việt Nam kết nối trao đổi chính thức thông tin tờ khai hải quan xuất khẩu điện tử từ ngày 01/10/2021.

Theo Tổng cục Hải quan, thời gian qua, Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN đã làm thay đổi căn bản phương thức thực hiện thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Việc triển khai toàn diện thủ tục hải quan điện tử đã tạo ra bước cải cách đột phá cho hoạt động xuất nhập khẩu, thời gian làm thủ tục hải quan được rút ngắn thông qua việc tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan và phản hồi kết quả phân luồng tờ khai trong vòng 1 - 3 giây. Qua đó giúp giảm thiểu chứng từ, giấy tờ và đơn giản hóa hồ sơ hải quan.

Việt Nam cũng là một trong 5 quốc gia đầu tiên chính thức trao đổi thông tin xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu D thông qua ASW với 4 quốc gia trong khu vực là Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan. Qua đó góp phần đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Năm 2020, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 207 thủ tục hành chính của 13 bộ, ngành được chính thức triển khai, với xấp xỉ 3,55 triệu hồ sơ của hơn 43.800 doanh nghiệp. Nhờ triển khai tốt Cơ chế một cửa quốc gia, ước tính với trên 11 triệu tờ khai của năm 2020, doanh nghiệp đã tiết kiệm được trên 200 triệu USD cho thủ tục thông quan; tiết kiệm trên 16 triệu giờ lưu kho đối với hàng xuất khẩu (với 5,36 triệu tờ khai xuất khẩu) và trên 34 triệu giờ lưu kho bãi đối với hàng nhập khẩu (với 5,72 triệu tờ khai nhập khẩu).

Theo các báo cáo của Ngân hàng Thế giới về môi trường kinh doanh công bố trong các năm từ 2018 - 2020, các chỉ số thành phần về chi phí và thời gian trong chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới của Việt Nam tiếp tục được duy trì. Như vậy, so với công bố của WB năm 2017, thời gian thông quan trực tiếp tại cửa khẩu của Việt Nam đối với hàng xuất khẩu giảm 3 giờ (từ 58 xuống 55 giờ); đối với hàng nhập khẩu giảm 06 giờ (từ 62 xuống 56 giờ); chi phí thông quan trực tiếp tại cửa khẩu cho 1 lô hàng giảm 19 USD.

Về công tác thu ngân sách, hải quan Việt Nam đã cải cách toàn diện thủ tục thu nộp thuế và lệ phí đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, chuyển từ nộp thuế, lệ phí thủ công sang nộp thuế lệ phí điện tử, giúp doanh nghiệp nộp thuế mọi lúc, mọi nơi, mọi phương tiện, giảm mạnh thời gian và chi phí để thực hiện thủ tục nộp thuế. Tỷ lệ doanh nghiệp xuất nhập khẩu nộp

thuế điện tử qua ngân hàng đạt gần 100% với số thu ngân sách bằng phương thức điện tử chiếm trên 98,4% tổng số thu ngân sách của Tổng cục Hải quan.

Riêng năm 2020, với sự nỗ lực và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, kết quả thu ngân sách nhà nước tính đến ngày 31/12/2020 đạt 317.090 tỷ đồng, bằng 93,8% dự toán thu ngân sách Nhà nước, bằng 105,7% (317.090/300.000 tỷ đồng) số đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV, giảm 8,7 % so với cùng kỳ năm 2019...

Nguồn: vietq.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

* Bộ Thông tin và Truyền thông: Quy định chuẩn kỹ năng an toàn thông tin mạng

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư quy định chuẩn kỹ năng an toàn thông tin mạng.

Theo dự thảo, các vị trí việc làm liên quan đến an toàn thông tin mạng đều phải đạt tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp sau: Tuân thủ pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, địa phương về an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước; đảm bảo an toàn, bí mật thông tin và an ninh, quốc phòng.

Không phát tán những thông tin được coi là nguy hiểm, những chương trình phần mềm độc hại. Bảo đảm tính bí mật, toàn vẹn và tính sẵn sàng của hệ thống thông tin trong mọi tình huống, cam kết, thỏa thuận về giữ bí mật thông tin.

Thực thi nhiệm vụ một cách khách quan, trung thực, hành động vì lợi ích của đối tác và lợi ích chung của cộng đồng. Sẵn sàng hợp tác, chia sẻ kiến thức về an toàn thông tin với đối tác, đồng nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin và an toàn thông tin. Không lạm dụng vị trí công tác, nhiệm vụ được phân công để trục lợi.

Dự thảo nêu rõ yêu cầu kiến thức cơ bản về an toàn thông tin đối với chuẩn kỹ năng an toàn thông tin mạng bao gồm: Kỹ năng lập trình và lập trình an toàn; các kỹ thuật tấn công của tin tặc; các nguyên lý về an toàn thông tin; an toàn ứng dụng và các dịch vụ mạng; an toàn cho máy chủ và hệ thống và thiết bị... Nội dung chi tiết được quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư này.

Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên sâu của chuẩn kỹ năng an toàn thông tin mạng gồm: Tiếp nhận và phân loại sự cố; ứng cứu sự cố; phân tích, giám sát an toàn thông tin; an toàn cơ sở hạ tầng thông tin; phân tích nguy cơ, tình báo an toàn thông tin; tư vấn an toàn thông tin; đào tạo, huấn luyện an toàn thông tin... Nội dung chi tiết được quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư này.

Dự thảo cũng nêu rõ, chuẩn kỹ năng an toàn thông tin mạng được chia thành 4 hạng như sau:

Hạng IV: Đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp quy định; có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông

tin, an toàn thông tin; đáp ứng yêu cầu kiến thức cơ bản về an toàn thông tin và kiến thức chuyên sâu của hạng IV tương ứng với mỗi chuẩn theo quy định.

Hạng III: Đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin, an toàn thông tin; đáp ứng yêu cầu kiến thức cơ bản về an toàn thông tin và chuyên sâu của hạng III.

Hạng II: Đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin, an toàn thông tin. Có thời gian làm công việc tương ứng 6 năm liên tục trở lên ở hạng 3...

Hạng I: Đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có bằng tốt nghiệp từ thạc sỹ trở lên các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin, an toàn thông tin. Có thời gian làm công việc tương ứng 3 năm liên tục trở lên ở hạng 2...

*** Bộ Tư pháp: Vị trí việc làm và định mức biên chế công chức ngành Tư pháp**

Bộ Tư pháp đang dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tư pháp và định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành Tư pháp.

Theo dự thảo, nguyên tắc xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Tư pháp và định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành tư pháp phải phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; gắn với tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý và tiêu chuẩn ngạch công chức; đảm bảo nguyên tắc một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Mỗi vị trí việc làm phải có các nội dung: Tên gọi, mô tả công việc, mối quan hệ trong công việc, phạm vi quyền hạn, yêu cầu năng lực, sản phẩm và tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

Định mức biên chế công chức tại Bộ Tư pháp

Dự thảo nêu rõ định mức công chức tại Bộ Tư pháp. Cụ thể, đối với các vụ không có cấp phòng, có 1 biên chế công chức Vụ trưởng và tương đương; không quá 3 biên chế công chức Phó Vụ trưởng và tương đương; trường hợp đặc biệt có thể bố trí nhiều hơn 3 biên chế công chức do cấp có thẩm quyền quyết định nhưng phải bảo đảm số lượng cấp phó bình quân của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp không vượt quá 3 biên chế công chức. Tổng số công chức của Vụ đạt tối thiểu 15 biên chế công chức.

Đối với các vụ, cục, Văn phòng, Thanh tra thuộc Bộ có cấp phòng, có 1 biên chế công chức Vụ trưởng và tương đương; không quá 3 biên chế công chức Phó Vụ trưởng và tương đương; trường hợp đặc biệt có thể bố trí nhiều hơn 3 biên chế công chức do cấp có thẩm quyền quyết định nhưng phải bảo đảm số lượng cấp phó bình quân của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp không vượt quá 3 biên chế công chức. Đối với lãnh đạo cấp phòng, có 1 biên chế công chức Trưởng phòng và tương đương; Phòng có từ 7 đến 9 biên chế công chức được bố trí 1 Phó Trưởng phòng; có từ 10 - 15 biên chế công chức được bố trí không quá 2 Phó Trưởng phòng; có từ 16 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 3 Phó Trưởng

phòng. Tổng số công chức các Vụ đạt tối thiểu 30 biên chế công chức; tổng số công chức của Phòng đạt tối thiểu 7 biên chế công chức.

Đối với Tổng cục thuộc Bộ, có 1 biên chế công chức Tổng Cục trưởng; không quá 3 biên chế công chức Phó Tổng cục trưởng và tương đương.

Đối với các vụ và tương đương thuộc Tổng cục, có 1 biên chế công chức Vụ trưởng và tương đương; Vụ thuộc tổng cục có từ 15 - 20 biên chế công chức được bố trí không quá 2 cấp phó; có trên 20 biên chế công chức được bố trí không quá 3 cấp phó...

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường: Định mức người làm việc trong đơn vị sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường**

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành Tài nguyên và Môi trường.

Theo dự thảo, vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành Tài nguyên và Môi trường gồm: Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập được quy định trong cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gắn với tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Vị trí việc làm viên chức chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường là vị trí việc làm gắn với mã số, hạng và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường được cấp có thẩm quyền ban hành.

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường gồm: 1. Tỷ lệ viên chức giữ các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường so với tổng số viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập; 2. Tỷ lệ viên chức theo hạng trong từng chức danh.

Dự thảo nêu rõ, tỷ lệ viên chức giữ các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường phải bảo đảm tối thiểu 65% tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tỷ lệ viên chức theo hạng trong từng chức danh nghề nghiệp phải bảo đảm cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức, mức độ phức tạp và các yếu tố đặc thù của vị trí việc làm.

Định mức số lượng người làm việc

Theo dự thảo, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành Tài nguyên và Môi trường được xác định trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ, tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ theo các căn cứ sau: 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 2. Quy trình, quy định về quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành; 3. Khối lượng nhiệm vụ thường xuyên; mức độ hiện đại hóa; 4. Số lượng người làm việc tối thiểu thành lập tổ chức; quy định về thời giờ làm

việc, thời giờ nghỉ ngơi của viên chức theo pháp luật quy định; 5. Mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, tính đến tháng 12/2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có 86 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Trong đó: 14 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ; 48 đơn vị sự nghiệp thuộc các Tổng cục; 22 đơn vị sự nghiệp thuộc các Cục trực thuộc Bộ; 2 đơn vị sự nghiệp thuộc các Cục trực thuộc Tổng cục (chia theo các nguồn sự nghiệp thì có: 8 đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ; 3 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo; 4 đơn vị sự nghiệp thông tin và truyền thông; 1 đơn vị sự nghiệp y tế; 71 đơn vị sự nghiệp khác). Đối với các Sở Tài nguyên và Môi trường, trung bình mỗi Sở có từ 3 đến 5 đơn vị sự nghiệp, như: Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường được tổ chức tại 54/63 Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (hoặc tên gọi khác) được tổ chức tại 39/63 Sở Tài nguyên và Môi trường. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường được tổ chức tại 57/63 Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai được thành lập tại 59/63 tỉnh, thành phố; Trung tâm Phát triển quỹ đất được thành lập tại 49/63 tỉnh, thành phố.

Việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp sẽ là cơ sở để đơn vị sự nghiệp xác định số lượng người làm việc gắn với từng vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đối với đơn vị, tổ chức, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí số lượng người cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của đơn vị, tổ chức, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, viên chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: PHÂN ĐẦU TRUNG BÌNH MỖI NĂM TĂNG ÍT NHẤT 5 BẬC CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG

Ngày 04/8/2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 179/KH-UBND “Cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của TP. Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025”.

Với mục đích cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của thành phố giai đoạn 2021 - 2025, TP. Hà Nội phân đầu trung bình mỗi năm tăng ít nhất 5 bậc; đến năm 2025, thành phố đứng trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt mức trung bình (nhóm 3); nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền thành phố, đặc biệt là cấp cơ sở...

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu kế hoạch được triển khai rộng tới tất cả cơ quan, đơn vị thuộc thành phố. Nội dung kế hoạch thống nhất với kế hoạch cải cách hành chính; các kế hoạch về cải thiện, nâng cao các chỉ số liên quan đến cải cách hành chính.

Kế hoạch nêu rõ việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nhằm cải thiện 8 chỉ số nội dung thuộc Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công: Trách nhiệm tham gia của người dân ở cấp cơ sở; công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công; cung ứng dịch vụ công; nghiêm túc trong bảo vệ môi trường; quản trị điện tử.

Các nội dung thực hiện tập trung vào: Phổ biến đầy đủ các chính sách của nhà nước, quy định của thành phố, cơ sở, đặc biệt chú trọng những nội dung liên quan quyền lợi, nghĩa vụ, vấn đề mật thiết tới sinh kế của người dân; tăng cường sự tham gia của người dân đối với các hoạt động tại cộng đồng; thực hiện tốt trách nhiệm cung cấp thông tin khi người dân có nhu cầu. Cùng với đó, chú trọng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, củng cố sự tin tưởng, tín nhiệm của người dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, đại diện các tổ chức đoàn thể cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

TP. Hà Nội cũng sẽ tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những sai phạm trong việc sử dụng ngân sách, công quỹ tại địa phương; trong quá trình giải quyết thủ tục việc cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chứng thực cho người dân.

Trong “cung ứng dịch vụ công”, thành phố đầu tư, củng cố, cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản, đáp ứng nhu cầu của người dân: Bảo đảm cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội; phân đầu chỉ tiêu điện năng thương phẩm bình quân đầu người đến năm 2025 khoảng 3.000 kwh/người/năm; bảo đảm 100% khu vực dân cư trên địa bàn thành phố đủ nước sạch để sinh hoạt...

Nguồn: hanoimoi.com.vn

HÀ NỘI: HUYỆN CHƯƠNG MỸ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH, NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Theo công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, huyện Chương Mỹ đứng thứ 20/30 quận, huyện; tăng 7 bậc so với năm 2019 (đứng thứ 27/30). Đó là sự nỗ lực, phấn đấu rất đáng ghi nhận của các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở. Mục tiêu lấy sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính là thước đo đánh giá kết quả cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính.

Theo đó, Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các phòng chuyên môn và tương đương trên địa bàn huyện tập trung 1 nhóm điểm từ 90% trở lên. Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 là 96,38%, tăng 3,77% so với năm 2019. Không có đơn vị nào có kết quả Chỉ số cải cách hành chính dưới 90%. Cho thấy, 11/12 đơn vị có giá trị năm 2020 tăng so với năm 2019.

Trong đó, Phòng Nội vụ đạt Chỉ số cải cách hành chính cao nhất với 98,41%. Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị năm 2020 là 93,05%. Có 03/05 đơn vị đạt Chỉ số cải cách hành chính trên mức giá trị trung bình. Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện đạt Chỉ số cải cách hành chính cao nhất với 95,83%.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đạt giá trị trung bình là 89,69%, tăng 7,09% so với năm 2019. Thị trấn Xuân Mai tiếp tục là địa phương xếp thứ nhất bảng xếp hạng với chỉ số đạt 99,29%, cao hơn 4,29% so với đơn vị xếp thứ hai là thị trấn Chúc Sơn đạt 95%, hơn 17,15% so với đơn vị xếp cuối. Đây là bước tiến đáng ghi nhận cả về chỉ số và thứ hạng, cho thấy sự nỗ lực của thị trấn Chúc Sơn đối với công tác cải cách hành chính trong năm qua.

Tại Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nguyễn Đình Hoa nhấn mạnh: Năm 2019, Chỉ số cải cách hành chính của huyện đứng thứ 27/30 quận, huyện toàn thành phố. Năm 2020, huyện vươn lên đứng thứ 20/30 quận, huyện. Đây là sự phấn đấu, nỗ lực rất đáng ghi nhận của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; là tín hiệu khả quan, tạo niềm tin cho huyện Chương Mỹ tiếp tục cố gắng trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những tồn tại, hạn chế như việc giải quyết thủ tục hành chính còn có hồ sơ chậm, muộn, không đảm bảo thời gian, không có văn bản thông báo và xin lỗi người dân; kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn thấp...

Do đó, theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, để cải thiện, nâng cao hơn nữa chất lượng Chỉ số cải cách hành chính, chất lượng công tác giải quyết thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của mỗi cơ quan thì các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn

cần tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu về công tác cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, phấn đấu đạt từ 50% trở lên tỷ lệ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra về cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính; thường xuyên đôn đốc việc thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức;

Cần chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, thiếu sót, có giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và ý thức trách nhiệm của đội ngũ công chức trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; xử lý trách nhiệm rõ người, rõ việc đối với các trường hợp giải quyết chậm, muộn hồ sơ của công dân; thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi có hồ sơ giải quyết quá hạn.

Bên cạnh đó, phải tăng cường sự phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính giữa các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện và giữa các phòng với các xã, thị trấn; tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện quy chế phối hợp trong giải quyết các thủ tục hành chính liên thông; xác định rõ trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu, từng bước giải quyết thủ tục hành chính.

Trên cơ sở Chương trình số 14-CTr/HU của Huyện ủy, Kế hoạch số 38-KH/HU về “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, giai đoạn 2021 - 2025”, Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ sẽ cụ thể hóa xây dựng Đề án, Kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và Thành phố.

Qua đó, nâng cao hơn nữa chất lượng cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính từ huyện đến xã, thị trấn. Với mục tiêu lấy sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính là thước đo đánh giá kết quả cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính.

Nguồn: kinhtedothi.vn

QUẢNG NINH: CỤC THUẾ TIẾP TỤC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ VỀ THUẾ

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách pháp luật thuế, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đang tiếp tục rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính, công khai các thủ tục về thuế, phấn đấu tiếp tục cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật thuế.

Nhằm cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật năm 2021, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp thuộc chức năng, phạm vi lĩnh vực quản lý để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ về môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh Cao Ngọc Tuấn cho biết, thời gian qua, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đã rà soát, kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp với mục tiêu giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật.

Bên cạnh đó, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh cũng sẵn sàng tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp; tăng cường công tác kiểm tra thực thi công vụ, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm, tiêu cực trong thi hành pháp luật, trọng tâm là các lĩnh vực có liên quan đến phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật.

“Để giảm thiểu các tiêu cực phát sinh như đã nói trên, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đã đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ bưu chính trong thực hiện tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19.” - ông Tuấn chia sẻ.

Lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh cho biết, để cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật năm 2021, cục thuế sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật quy định pháp luật để kịp thời tham mưu bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

Cơ quan thuế tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến công chức và cộng đồng người nộp thuế; đồng thời ban hành kế hoạch, công văn chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật tới các đơn vị.

Cục thuế tiếp tục thực hiện công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức như: đăng tải tại trang thông tin điện tử của cục thuế; niêm yết các thủ tục hành chính cấp cục, cấp chi cục tại bộ phận một cửa; công khai tại Trung tâm hành chính công của tỉnh và của huyện, đảm bảo thuận lợi nhất cho người nộp thuế khi tra cứu, thực hiện thủ tục hành chính thuế, nhằm cắt giảm chi phí cho người nộp thuế, góp phần cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật.

Chi phí tuân thủ pháp luật được hiểu là các chi phí mà doanh nghiệp, người dân phải chi phí trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật, bao gồm: Chi phí hành chính; chi phí đầu tư; phí, lệ phí; chi phí rủi ro pháp lý (nếu có) và chi phí không chính thức.

Chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật là chỉ số tổng hợp ý kiến cảm nhận (thông qua trả lời câu hỏi khảo sát) về mức độ tạo thuận lợi, hay gây khó khăn cho doanh nghiệp trong tuân thủ những quy định của pháp luật (làm phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật).

Thông qua việc cải thiện chỉ số tuân thủ pháp luật, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ có điều kiện xem xét, đánh giá đúng thực trạng về các chi phí tuân thủ pháp luật hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ tính toán được lợi ích mang lại của chỉ số cho các doanh nghiệp, tạo thuận lợi và giảm gánh nặng đối với các doanh nghiệp.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BẮC GIANG: SỐ HÓA HOẠT ĐỘNG MỘT CỬA, NÂNG HIỆU QUẢ PHỤC VỤ

Để đáp ứng nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, công dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh Bắc Giang đã chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, từng bước chuyển đổi số tại bộ phận một cửa các cấp.

Ứng dụng công nghệ thông tin

Thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/3/2021, mới đây Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch triển khai.

Mục tiêu là đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số. Để hoàn thành kế hoạch, các huyện, thành phố đã khẩn trương triển khai nhiệm vụ liên quan.

Từ đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện Yên Thế đã đầu tư xây dựng bộ phận một cửa kiểu mẫu ở 3 đơn vị là xã: Tam Tiến, Tân Sỏi và thị trấn Phồn Xương. Cùng đó, hỗ trợ mỗi xã một bộ máy vi tính hiện đại, máy scan, bộ lưu điện. 8 giờ sáng tại bộ phận một cửa xã Tam Tiến có khá đông công dân đến giải quyết thủ tục hành chính.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Hoàng Quốc Văn cho biết: "Khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của công dân, tôi sử dụng máy scan để lưu tài liệu và kết quả giải quyết, sau đó đính kèm lên hệ thống một cửa điện tử. Như vậy, những lần sau giao dịch, cán bộ dễ dàng tra cứu thông tin mà không cần mở hồ sơ gốc bằng bản giấy, tiết kiệm thời gian". Quả vậy, chỉ với vài thao tác đơn giản, rất nhanh chóng hồ sơ đề nghị cấp bản sao giấy khai sinh cho con của chị Hoàng Thị Lôi (SN 1997), dân tộc Nùng ở bản Núi Him đã hoàn thành.

Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Yên Thế Thân Văn Nam cho biết: "Nhằm đổi mới cơ chế hoạt động, tiến tới chuyển đổi số ở bộ phận một cửa, ngoài đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin, chúng tôi tập trung tuyên truyền, xây dựng những công dân điện tử. Đặc thù huyện Yên Thế địa bàn rộng, bà con dân tộc thiểu số nhiều, trình độ công nghệ có hạn nên khi người dân đến giao dịch, cán bộ một cửa sẽ hướng dẫn làm dịch vụ công trực tuyến theo hình thức cầm tay chỉ việc".

Tại bảng niêm yết thủ tục hành chính ở bộ phận một cửa huyện Việt Yên, người dân và doanh nghiệp có thể dùng điện thoại thông minh quét mã QR (QR Code) để được hướng dẫn quy trình giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến với các bước như: Đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính; tìm hiểu các loại hồ sơ, số bản cần chuẩn bị, mức phí.

"Sau khi quét mã QR thủ tục về lĩnh vực giáo dục, tôi vừa ngồi chờ vừa có thể nghiên cứu quy trình giải quyết mà không phải đứng lặt từng trang như trước đây", chị Nguyễn Thị Thu, xã

Việt Tiến (Việt Yên) chia sẻ. Theo Phó Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện Việt Yên Trần Hữu Bình, từ ngày 01/7, huyện chính thức triển khai quét mã QR đối với 14 bộ thủ tục hành chính.

Với cách làm này người dân dễ dàng tra cứu các nội dung về quy trình thực hiện thủ tục hành chính, cơ quan chuyên môn thuận lợi trong tổng hợp, đánh giá mức độ hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, công dân. Sắp tới huyện sẽ nghiên cứu triển khai nhân rộng tại cấp xã, phục vụ công tác chuyển đổi số.

Đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện tốt cơ chế một cửa

Để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số, thời gian qua, UBND các cấp đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các bộ phận một cửa. Năm 2020, Chỉ số hài lòng của tổ chức, công dân về sự phục vụ của tỉnh xếp thứ 3 cả nước. Trong đó tiêu chí về tiếp cận dịch vụ (trụ sở bộ phận một cửa, trang thiết bị hiện đại...) được đánh giá cao với bình quân chung là 93,02%.

Tháng 10/2020, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa đầu tư gần 3,6 tỷ đồng xây dựng trụ sở bộ phận một cửa huyện trong khuôn viên khu nhà liên cơ quan. Công trình có diện tích sàn gần 400 m² gồm 2 tầng và sân vườn đến nay cơ bản hoàn thành. Dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 9/2021. Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa Hoàng Công Bộ, không chỉ xây dựng trụ sở mới mà huyện còn trang bị nhiều thiết bị hiện đại để phục vụ công tác cải cách hành chính và kế hoạch chuyển đổi số của huyện.

Xác định con người là yếu tố quan trọng trong quá trình chuyển đổi số, TP. Bắc Giang tăng cường tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, công nghệ thông tin đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đẩy mạnh tỷ lệ ký số trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa cấp xã.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả cải cách hành chính, tại hội nghị kiểm điểm hoạt động bộ phận một cửa vừa qua, đồng chí Mai Sơn, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quan tâm củng cố, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất bảo đảm hoạt động của bộ phận một cửa cấp xã.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện tốt kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ phận một cửa; kịp thời chấn chỉnh, xử lý đối với công chức một cửa thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, nhũng nhiễu hoặc có thái độ không đúng mực khi tiếp công dân.

Nguồn: baobacgiang.com.vn

THÁI NGUYÊN: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÌN RÕ HẠN CHẾ ĐỂ KHẮC PHỤC

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính đã nhận được sự quan tâm của các sở, ban, ngành và chính quyền các cấp trong tỉnh. Từ đó, góp phần quan trọng cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao các chỉ số liên quan đến cải cách hành chính và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách thẳng thắn, công tác này vẫn còn những bất cập, như: Trách nhiệm của người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa cao; việc thực hiện các thủ tục hành chính liên thông còn hạn chế; vẫn còn tình trạng quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính ...

Nhiều đơn vị tụt hạng

Theo kết quả Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công bố mới đây về đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, có 8 sở, ngành giảm từ 1 đến 10 bậc so với năm 2019, trong đó giảm sâu nhất là Sở Giáo dục và Đào tạo với 10 bậc, tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 8 bậc, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh giảm 6 bậc... Khối huyện có 4/9 huyện, thành giảm từ 1 - 2 bậc, trong đó huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ giảm 2 bậc; TP. Thái Nguyên và huyện Phú Bình mỗi địa phương giảm 1 bậc.

Nguyên nhân của việc tụt hạng trên là do điểm ở các tiêu chí giảm. Đơn cử như ở tiêu chí Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình có kết quả thấp nhất. Sở Giáo dục và Đào tạo đạt 3,05 điểm/11 điểm; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đạt 2,97 điểm/11 điểm; huyện Phú Bình đạt 5,90 điểm/9 điểm. Nguyên nhân các đơn vị này bị chậm điểm thấp là do chưa thực sự quyết liệt trong triển khai thực hiện cải cách hành chính.

Cụ thể, chưa thể hiện được vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong việc đóng góp các sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính; chưa kịp thời bố trí các nguồn lực cho công tác cải cách hành chính; trong xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm, kiểm tra, tuyên truyền, báo cáo thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương còn một số hạn chế... Kết quả đánh giá này phần nào ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với hình ảnh, tác phong làm việc của các đơn vị.

Còn tình trạng vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung trọng tâm của Chương trình cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện nội dung này, nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp để sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tuy vậy, bên cạnh những cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm các quy định, ở một số nơi vẫn còn biểu hiện lơ là, chưa sâu sát trong kiểm tra, giám sát, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; việc chấp hành giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính của một số công chức, viên chức còn chưa nghiêm, còn tình trạng đi muộn, về sớm, làm việc riêng trong

giờ hành chính, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ... Điều này đã phần nào làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính và niềm tin của nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với hoạt động công vụ của cơ quan Nhà nước.

Đơn cử như tại buổi kiểm tra đột xuất về công tác cải cách hành chính tại xã Bảo Linh (Định Hóa) ngày 13/11/2020 của Sở Nội vụ, thời điểm kiểm tra lúc 9 giờ 20 phút, tại Bộ phận “Một cửa” chỉ có 3 công chức (2 công chức tư pháp, 1 công chức địa chính); lịch công tác của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành chưa được cập nhật; còn có nhiều văn bản xử lý quá hạn trên hệ thống quản lý văn bản điều hành...

Trước đó, ngày 26/6/2020, Tổ công tác của Sở Nội vụ tiến hành kiểm tra tại xã Diềm Thụy (Phú Bình), thời điểm 14 giờ 45 phút, tại Bộ phận “Một cửa” chỉ có 3 công chức, vắng công chức Địa chính - Xây dựng. Việc đeo thẻ công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ chưa nghiêm, cán bộ, công chức không đeo thẻ. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả không có biển tên...

Phấn đấu lọt top 10 địa phương đứng đầu về cải cách hành chính

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, theo Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Đức Lực: Nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đạo đức, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đẩy mạnh xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Thái Nguyên hướng tới Chính quyền số. Nhằm đạt được mục tiêu đó, Sở Nội vụ đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thực hiện hiệu quả các quy định của Chính phủ về tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện sáp nhập xóm, tổ dân phố gắn với tinh giản biên chế.

Đồng thời, các đơn vị trong tỉnh tiếp tục cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, hình thành các kho lưu trữ điện tử về kết quả thủ tục hành chính phục vụ công tác quản lý Nhà nước; nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức, cá nhân. Tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính và thực thi công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi công vụ, nhiệm vụ; đổi mới phương pháp, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng các biện pháp, giải pháp duy trì, nâng cao thứ hạng các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam. Phấn đấu tỉnh Thái Nguyên nằm trong top 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về Chỉ số cải cách hành chính ...

Nguồn: baothainguyen.vn

TP. HÀ TĨNH: XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN THÂN THIỆN BẮT ĐẦU TỪ NGƯỜI CÁN BỘ

Từ nhiều năm nay, việc xây dựng chính quyền đô thị thân thiện ở TP. Hà Tĩnh đang ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần làm nên hình ảnh người Thành Sen năng động, văn minh.

Nhiều năm qua, TP. Hà Tĩnh chú trọng nhiều giải pháp cải cách hành chính, trong đó, tập trung xây dựng chính quyền đô thị thân thiện hướng đến môi trường thân thiện, bắt đầu từ người cán bộ. Sau thành công của việc thực hiện quy chế xin lỗi công dân, quy chế đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân, thành phố đã tập trung nguồn lực đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm hiện đại hóa nền hành chính.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Tĩnh Phạm Hùng Cường cho biết: “Xây dựng chính quyền đô thị minh bạch, liêm chính, hiệu quả, theo hướng thân thiện chính là việc thực hiện một chuỗi hoạt động trong cải cách hành chính và đổi mới của chính quyền như: cải cách thủ tục hành chính, thực hiện dân chủ ở cơ sở, xây dựng đạo đức công vụ, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, đổi mới công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...”

Thời gian qua, TP. Hà Tĩnh đã mạnh dạn, chủ động loại bỏ rào cản giữa công dân, tổ chức trong xã hội với chính quyền, làm cho người dân, tổ chức không còn lo ngại khi tiếp xúc, làm việc với chính quyền và người dân được thực hiện quyền làm chủ của mình, đề xuất các ý kiến đối với chính quyền; đồng thời chính quyền thành phố kịp thời tiếp thu, xử lý các kiến nghị, phản ánh của người dân”.

Nhiều năm qua, lòng tin của Nhân dân từng bước được nâng lên khi hình ảnh người cán bộ, nhất là ở Trung tâm Hành chính công của thành phố cũng như các điểm giao dịch “một cửa” các phường, xã trên địa bàn trở nên gần gũi hơn. Các quyết định, quy chế về xin lỗi công dân được niêm yết công khai ở vị trí trung tâm, dễ quan sát cũng tăng thêm niềm tin cho Nhân dân.

Chị Nguyễn Thị Trà (phường Thạch Quý) cho hay: “Không còn cảnh phải chờ đợi quá lâu và phải “cầu cạnh” cán bộ như ngày xưa nữa. Bây giờ tôi đến ở đâu cũng được cán bộ đón tiếp nồng hậu, thân thiện. Những nỗ lực cải cách hành chính của thành phố thời gian qua cũng đã giúp chúng tôi giải quyết các thủ tục nhanh gọn hơn”.

Nhiều xã, phường coi đây là cách để rèn luyện hiệu quả cho cán bộ, công chức, giúp đội ngũ này điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực trong mọi giao dịch để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Hơn thế nữa, tại các điểm giao dịch “một cửa”, các phường, xã đều đặt hòm thư góp ý nhằm nắm bắt ý kiến của người dân để kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời.

Cán bộ Trung tâm Hành chính công TP. Hà Tĩnh Ngô Thị Huyền Nhung cho biết: “Sự thân thiện của cán bộ, công chức đã tạo ra tâm lý thoải mái cho người dân giúp họ cởi mở hơn trong giao tiếp, ứng xử, phối hợp tốt hơn trong giải quyết công việc, tạo nên sự khác biệt so với trước đây; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lấy sự hài lòng của người dân để đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của bản thân”.

Để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính, từ ngày 01/01/2020, TP. Hà Tĩnh còn thực hiện mô hình tổ dân phố điện tử, tổ dịch vụ công lưu động. Đến nay, tổ dân phố điện tử đã hướng dẫn quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho trên 500 lượt người, phát sinh 89 hồ sơ trực tuyến mức độ 3.

Hiện nay, 15/15 phường, xã trên địa bàn thành phố đã thành lập tổ dịch vụ công lưu động, có quy chế và kế hoạch hoạt động của tổ; thành viên tổ chủ yếu gồm cán bộ đoàn thành niên, đoàn thể và công chức phường, xã. Từ tháng 6/2020, các tổ được thành lập và đến nay đã giải quyết được 75 hồ sơ trực tuyến cho Nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là các đối tượng khó khăn như ốm đau, tàn tật, già cả, neo đơn... chưa tiếp cận được dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

TP. Hà Tĩnh là trung tâm văn hóa, chính trị của tỉnh, tại đây cán bộ, công chức không chỉ giao tiếp với công dân, doanh nghiệp trên địa bàn mà còn tiếp xúc với nhiều đối tác đầu tư, công dân địa bàn khác. Chính vì vậy, xây dựng hình ảnh người cán bộ thân thiện có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là bộ mặt của chính quyền đô thị thân thiện.

Thời gian qua, cùng với nỗ lực của cấp ủy, chính quyền, người dân cũng có điều kiện thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội, tích cực tham gia đóng góp ý kiến về một số nội dung, cách thức thể hiện cho phù hợp với văn hóa, thuần phong mỹ tục của địa phương. Đặc biệt, cùng góp phần xây dựng hình ảnh người Thành Sen thân thiện, văn minh.

Nguồn: baohatinh.vn

QUẢNG NGÃI: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH LÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, LÂU DÀI

Sáng ngày 03/8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đặng Văn Minh chủ trì Hội nghị phân tích, đánh giá điểm yếu trong công tác cải cách hành chính năm 2020; giải pháp trọng tâm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

Trong năm 2020 và giai đoạn 2015 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính. Ngoài ra, năm 2016, Tỉnh ủy cũng ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, qua 5 năm thực hiện, vị trí về thứ bậc và điểm số Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi vẫn ở thứ hạng thấp.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi đạt 73,25/100 điểm, xếp thứ hạng 63/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Bộ Nội vụ thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đạt 49,95/66,5 điểm. Điểm khảo sát đánh giá tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức đạt 7,94/10 điểm và điểm điều tra xã hội học đạt 15,35/23,5 điểm.

Theo đánh giá, hiện tỉnh Quảng Ngãi đang gặp một số hạn chế như: Lĩnh vực xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật ở một số sở, ngành tham mưu xử lý còn chậm, thiếu tính đồng bộ. Chất lượng, tính khả thi một số văn bản còn thấp; chậm xử lý các văn bản phát

hiện sai phạm qua kiểm tra. Cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức. Việc đưa thủ tục hành chính ngành dọc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả vào bộ phận một cửa ở các cấp còn nhiều hạn chế.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính chưa triệt để. Việc công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp của một số sở, ngành, địa phương còn chậm, hiệu quả chưa cao. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn ít. Hơn nữa, việc điều tra xã hội học để xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh có nhiều bất cập.

Tại Hội nghị, các sở, ngành nêu những điểm hạn chế, tồn tại trong công tác cải cách hành chính của ngành, lĩnh vực phụ trách; giải trình nguyên nhân bị cơ quan cấp trên trừ điểm ở những tiêu chí thành phần trong năm 2020. Đồng thời, đề ra giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính thuộc lĩnh vực phụ trách. Trong đó, cần chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; nêu cao tinh thần trách nhiệm trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, công việc của công dân, tổ chức...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đặng Văn Minh nhấn mạnh, kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi đã cho thấy, tỉnh Quảng Ngãi đang có rất nhiều điểm yếu về cải cách hành chính trong nhiều năm liền nhưng không được cải thiện. Sau hội nghị này, tất cả các sở, ngành, địa phương phải thẳng thắn, nghiêm túc nhận diện và khắc phục những hạn chế, tồn tại để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu phải xác định nhiệm vụ cải cách hành chính hiện nay là nhiệm vụ trọng tâm, liên tục, lâu dài, cần sự tư duy sáng tạo, đổi mới. Vì vậy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải có quyết tâm chính trị cao nhất trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của đơn vị, địa phương. Phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo với tinh thần trách nhiệm cao và chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Về nhiệm vụ trong thời gian đến, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sẽ tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện nghiêm để tạo sự chuyển biến tích cực trong giai đoạn mới. Tỉnh quyết tâm đạt mục tiêu nâng thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 lên 50/63.

“Tại Hội nghị này, chúng ta cam kết với nhau rằng, nếu điểm số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương nào bị trung ương trừ điểm trong năm 2021 và các năm tiếp theo thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đó phải chịu trách nhiệm và xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Đặng Văn Minh nhấn mạnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo. Ngoài ra, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thành lập Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh để đề xuất, tham mưu, giúp

việc Ban Chỉ đạo. Tổ giúp việc do lãnh đạo Sở Nội vụ làm Tổ trưởng và một số thành viên ở các sở, ngành, địa phương liên quan trực tiếp đến các Chỉ số cải cách hành chính.

Trên cơ sở chấm điểm cải cách hành chính của Bộ Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu các sở, ngành, địa phương rà soát các tiêu chí có số điểm không đạt để đề ra kế hoạch khắc phục cho từng lĩnh vực và không để tái diễn trong năm 2021 và những năm tiếp theo. Ngoài ra, cần thường xuyên quán triệt cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm việc xin lỗi tổ chức, cá nhân với tinh thần cầu thị khi hồ sơ giải quyết trễ hạn.

Để nâng cao chỉ số SIPAS trong thời gian tới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu cán bộ, công chức khi nhận được Phiếu điều tra xã hội học hằng năm của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải tự mình nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng và đánh giá có trách nhiệm, đảm bảo công tâm, khách quan, sát đúng với thực tế...

Nguồn: baoquangngai.vn

ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC ngày 20/12/2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công gồm các nội dung chính như sau: Tình hình chung xây dựng Đề án; Kết quả triển khai Đề án; Kết luận và kiến nghị nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

Ngày 17/9/2013, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3982/QĐ-BGDĐT về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”. Do đây là một nhiệm vụ mới và lần đầu tiên được triển khai tại Việt Nam, nên để xây dựng được một phương pháp đo lường khoa học, chính xác và đạt hiệu quả cao, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam chủ trì. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, tổ chức mời một số chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực này tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế để xây dựng một Đề tài cấp Bộ về nội dung này. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu khi thực hiện, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam cần phải xác định đối tượng, quy mô mẫu điều tra xã hội học cho từng dịch vụ giáo dục công theo yêu cầu; xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học và chủ trì tổ chức điều tra xã hội học để đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với quy mô cả nước; và biên soạn tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn.

Trong quá trình thực hiện Đề tài nghiên cứu, Bộ cũng đã thành lập nhóm công tác về kỹ thuật của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, đồng thời mời những chuyên gia có kinh nghiệm trong nước (Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, các chuyên gia nghiên cứu về chính sách công có nhiều kinh nghiệm về xây dựng và đánh giá Chỉ số đo lường mức độ hài lòng của công dân về thủ tục hành chính công -- SIPAS, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI) và chuyên gia quốc tế về lĩnh vực này cùng tham gia.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt cho nhóm công tác về kỹ thuật triển khai thực hiện một nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ "Xây dựng tiêu chí đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công" với các nội dung: (1) Làm rõ cơ sở lý luận và khái niệm về dịch vụ giáo dục công, sự hài lòng, các phương pháp đo lường, lý thuyết tiếp cận; (2) Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế (Hoa Kỳ, Canada, Nga, Trung Quốc, Úc...) về đo lường mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục; (3) Xác định các chỉ số và phương pháp đo lường; (4) Xây dựng các mẫu phiếu điều tra (dành cho cha mẹ học sinh, học sinh, sinh viên các cấp học và trình độ đào tạo); (5) Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện việc đo lường; (6) Triển khai tổ chức, đo lường thử nghiệm tại 03 tỉnh, thành phố (Điện Biên, Hà Nội, Ninh Thuận);

(7) Phân tích thử nghiệm; (8) Hoàn thiện công cụ, quy trình khảo sát; (9) Hoàn thiện báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

Nhiệm vụ nghiên cứu đã được Hội đồng khoa học cấp Bộ nghiệm thu (Hội đồng gồm các chuyên gia có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá, đo lường được Bộ Giáo dục và Đào tạo mời từ các tổ chức, cơ sở đào tạo có uy tín: Bộ Nội vụ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực; Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các chuyên gia về chính sách công...). Sau ý kiến của Hội đồng khoa học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã sử dụng kết quả nghiên cứu (bộ công cụ, phương pháp, quy trình, tài liệu hướng dẫn...) vào đo lường chính thức, cụ thể:

Năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện đo lường tại 03 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Kon Tum và Tiền Giang (12/2014). Năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện điều tra tại 03 tỉnh Phú Thọ, Nghệ An và Tây Ninh (tháng 10/2015). Việc lựa chọn địa bàn và đối tượng khảo sát theo đúng quy trình đặt ra cũng như nằm trong danh sách các tỉnh/thành phố đã được chọn trong kế hoạch, đảm bảo tính đại diện của địa phương. Tổng số tỉnh/thành phố đã thực hiện khảo sát là 06/20 tỉnh/thành phố dự kiến được khảo sát ở quy mô toàn quốc.

Năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam rà soát Bộ công cụ khảo sát và tổ chức tập huấn phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công cho 63 tỉnh, thành phố và các cơ sở giáo dục đại học.

Năm 2017, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các địa phương và các cơ sở giáo dục đại học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã hoàn thiện và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2329/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2017 về việc ban hành Bộ công cụ khảo sát và tài liệu Hướng dẫn triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công để các địa phương và các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam cử đoàn hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại 12 tỉnh/thành phố trên cả nước.

Ngày 10/5/2017, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1603/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công giai đoạn 2016 - 2020” năm 2017; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2017 theo quy mô mẫu điều tra xã hội học.

Về thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2019

Ngày 15/7/2019 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2007/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công giai đoạn 2016 - 2020” năm 2019 và Kế hoạch số 931/KH-BGDĐT ngày 09/9/2019 về kế hoạch chi tiết thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2019. Trong đó, giao cho Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công” năm 2019 và đã được lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Theo đó, đã rà soát, chỉnh sửa bộ công cụ đo lường và tài liệu hướng dẫn; tổ chức tập huấn trong toàn quốc cho 63 Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục đại học công lập; tổ chức đo lường, phân tích xử lý và công bố kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2019. Theo kế hoạch 931/KH-BGDĐT ngày 9/9/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công trên phạm vi toàn quốc.

Tổng cộng, có 61 tỉnh, thành phố (ngoại trừ Hòa Bình và TP. Hải Phòng gửi công văn xin phép chưa tham gia) và 12 trường cao đẳng, trường đại học đã gửi báo cáo “Kết quả đánh giá sự hài lòng đối với dịch vụ giáo dục công” về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Với những tỉnh, thành phố và các trường đại học có đầy đủ dữ liệu hợp lệ này sẽ được phân tích sâu kết quả ở phần sau.

Bảng thống kê cụ thể tổng số 168.039 đối tượng tham gia khảo sát của các tỉnh, thành phố đã gửi dữ liệu về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tỉnh, thành phố	Phiếu							Tổng
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Giáo dục thường xuyên	Đại học	Cha mẹ học sinh Trung học phổ thông	Học sinh Trung học phổ thông	
Hà Nội	2.941	2.864	2.854	1.431	13.059	2.840	2.829	28.818
Hà Giang	645	789	721			905	904	3.964
Tuyên Quang	699	823	660	249		887	886	4.204
Lào Cai	566	776	591	209		699	455	3.296
Sơn La	204	232	492	50		327	966	2.271
Thái Nguyên	1.190	1.439	1.158	870	713	1.705	909	7.984
Quảng Ninh					649			649
Bắc Giang	745	835	781	669		977	978	4.985
Phú Thọ					1339			1339
Bắc Ninh	664	880	657	256		979	978	4.414
Hà Tĩnh	1.122	1.421	1.324	819		1.787	1.789	8.262
Thái Bình	741	804	762	778		906	906	4.897
Hà Nam	622	735	714	535		846	846	4.298
Nam Định	601	601	734	300	978	945	945	5.104

Tỉnh, thành phố	Phiếu							Tổng
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Giáo dục thường xuyên	Đại học	Cha mẹ học sinh Trung học phổ thông	Học sinh Trung học phổ thông	
Thanh Hóa	573	640	602	232		825	820	3.692
Nghệ An	559	627	588	596	1.100	1.000	1.002	5.472
Khánh Hòa	576	730	821	498		812	814	4.251
Lâm Đồng	383	636	577	528		770	774	3.668
Đà Nẵng	644	915	934	215	4250	964	964	8.886
Quảng Nam	552	782	784	327		854	856	4.155
Quảng Ngãi	553	896	726	233	493	932	932	4.765
Bình Định	567	477	769	158		829	829	3.629
Phú Yên	410	757	837			935	935	3.874
Bình Thuận	584	804	764	57		941	941	4.091
Đắk Nông	559	792	665	176		834	834	3.860
Bình Phước	701	879	851	302		868	868	4.469
Tây Ninh	621	837	782	179		940	939	4.298
Bà Rịa - Vũng Tàu	900	1.705	1.200	750		1.050	1.050	6.655
TP. Hồ Chí Minh					1.447			1.447
Tiền Giang					518			518
Trà Vinh	577	847	795	373		794	847	4.233
Vĩnh Long	504	684	601	487	1.085	867	638	4.866
Đồng Tháp	475	627	657	232		837	837	3.665

Tỉnh, thành phố	Phiếu							Tổng
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Giáo dục thường xuyên	Đại học	Cha mẹ học sinh Trung học phổ thông	Học sinh Trung học phổ thông	
Hậu Giang	397	464	525	214		730	730	3.060
Tổng	20.875	26.298	24.926	11.723	25.631	29.585	29.001	168.039

Bảng Thống kê số lượng trả lời phiếu Điều tra tại 34 tỉnh, thành phố gửi dữ liệu về Bộ

1. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2019

Theo thiết kế điều tra, khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công được triển khai trên 63 tỉnh/thành phố trên toàn quốc. Hiện, 61 tỉnh/thành phố đều có báo cáo triển khai đánh giá cấp tỉnh về sự hài lòng. Tuy nhiên, khi gửi dữ liệu khảo sát về Bộ Bảng Thống kê số lượng trả lời phiếu Điều tra tại 34 tỉnh, thành phố gửi dữ liệu về Bộ chỉ nhận được 34/61 tỉnh thành có đầy đủ và chính xác cơ sở dữ liệu Đánh giá hài lòng năm 2019.

Về đặc điểm của các nhóm tham gia khảo sát cụ thể như sau:

Cấp Mầm non: Cha mẹ học sinh bậc Mầm non tham gia khảo sát là 20.875 người trong đó có 34,56% Nam và 65,44% Nữ. Trình độ học vấn của cha mẹ học sinh bậc Mầm non khá đa dạng trong đó nhiều nhất là cha mẹ có trình độ Trung học phổ thông (chiếm 29,24%) và trình độ đại học (chiếm 24,41%). Độ tuổi cha mẹ học sinh bậc Mầm non phần lớn ở độ tuổi từ 30 đến 39 tuổi (chiếm 56,95%) và Dưới 30 tuổi (chiếm 28,27%).

Cấp Tiểu học: Cha mẹ học sinh bậc Tiểu học tham gia khảo sát là 26.298 người trong đó có 36,21% Nam và 63,08% Nữ trong đó có 0,70% cha mẹ học sinh không ghi rõ về giới tính. Trình độ học vấn của cha mẹ học sinh bậc Tiểu học khá đa dạng trong đó nhiều nhất là cha mẹ có trình độ Trung học phổ thông (chiếm 26,30%) và trình độ đại học (chiếm 22,94%). Độ tuổi cha mẹ học sinh bậc Tiểu học phần lớn ở độ tuổi từ 30 đến 39 tuổi (chiếm 61,07%) và Từ 40 đến 49 tuổi (chiếm 23,44%).

Cấp Trung học cơ sở: Cha mẹ học sinh bậc Trung học cơ sở tham gia khảo sát là 24.926 người trong đó có 40,17% Nam và 59,18% Nữ trong đó có 0,65% cha mẹ học sinh không ghi rõ về giới tính. Trình độ học vấn của cha mẹ học sinh bậc Trung học cơ sở khá đa dạng trong đó nhiều nhất là cha mẹ có trình độ Trung học cơ sở (chiếm 26,71%) và trình độ Trung học phổ thông (chiếm 24,17%). Độ tuổi cha mẹ học sinh bậc Tiểu học phần lớn ở độ tuổi từ 30 đến 39 tuổi (chiếm 61,07%) và từ 40 đến 49 tuổi (chiếm 23,44%).

Cấp Trung học phổ thông: Bậc Trung học phổ thông đối tượng tham gia khảo sát gồm các học sinh được chọn mẫu đang học tại trường và cha mẹ của học sinh được chọn mẫu đó. Cha mẹ học sinh bậc Trung học phổ thông tham gia khảo sát 29.585 người trong đó có 42,90% nam và 56,10% nữ trong đó có 0,99% cha mẹ học sinh không ghi rõ về giới tính. Trình độ học vấn

của cha mẹ học sinh bậc Trung học phổ thông khá đa dạng trong đó nhiều nhất là cha mẹ có trình độ Trung học phổ thông (chiếm 29,41%) và trình độ Trung học cơ sở (chiếm 26,01%).

Học sinh ở trường các trường Trung học phổ thông tham gia khảo sát gồm 29.001 học sinh trong đó có 44,53% học sinh Nam và 55,06% học sinh có giới tính Nữ và có 0,41% học sinh không trả lời trong mục giới tính trong phiếu khảo sát. Các học sinh Trung học phổ thông tham gia khảo sát có năm sinh từ năm 1981 đến năm 2005 trong đó chủ yếu là những học sinh có năm sinh 2002 (chiếm 29,33%), năm 2003 (chiếm 35,03%) và sinh năm 2004 (chiếm 34,47%) các học sinh được chọn được ở các lớp 10, 11 và 12 với tỷ lệ đồng đều nhau.

Giáo dục thường xuyên: có 11.723 học sinh, học viên được chọn tham gia khảo sát trong đó có 62,16% học sinh Nam và 35,75% học sinh Nữ tham gia khảo sát. Các học sinh được chọn chủ yếu ở nhóm lớp 9 đến lớp 12.

Giáo dục cao đẳng, đại học: trong số 25.631 sinh viên tham gia khảo sát thì có 42,7% là nam và nhiều nhất là sinh viên năm thứ nhất, chiếm 33,5%.

Về mức độ hài lòng, trong các cấp học được khảo sát thì cấp Mầm non được cha mẹ học sinh đánh giá ở mức hài lòng cao nhất, tiếp đến là cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên và Cao đẳng, Đại học. Đặc biệt với cấp Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên và Giáo dục đại học là ý kiến đánh giá của HS, sinh viên là đối tượng trực tiếp được thụ hưởng chất lượng dịch vụ giáo dục công, cho thấy điểm đánh giá phần lớn là ở mức Hài lòng và Rất hài lòng.

Trong 5 lĩnh vực đánh giá thì lĩnh vực về Môi trường Đào tạo và Tiếp cận Giáo dục được cha mẹ học sinh và học sinh đánh giá hài lòng ở mức cao, lĩnh vực được đánh giá ở mức Hài lòng thấp nhất trong 5 lĩnh vực là Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Điều này cho thấy ở các cơ sở giáo dục về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn một số vấn đề cần quan tâm và điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và sự hài lòng của người dân với dịch vụ công.

Điểm hài lòng chung toàn quốc ở các cấp học dao động từ 3,92 đến 4,53/5 điểm, trong đó người dân hài lòng nhất đối với chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non và ít hài lòng nhất là ở chất lượng dịch vụ giáo dục đại học. Điểm hài lòng cả 5 lĩnh vực cũng theo chiều hướng giảm dần từ chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non đến đại học. Trong đó, người dân hài lòng hơn cả là về chất lượng môi trường giáo dục, ít hài lòng nhất là về chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Những chỉ số được đánh giá cao ở dịch vụ giáo dục mầm non (từ 4,70 điểm trở lên) tập trung vào các lĩnh vực: Tiếp cận giáo dục và Môi trường giáo dục. Còn những chỉ số được đánh giá thấp nhất ở dịch vụ giáo dục đại học (dưới 4) tập trung vào các lĩnh vực: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; Hoạt động giáo dục; Kết quả giáo dục.

Tỷ lệ đáp ứng kỳ vọng trung bình của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục các cấp học (gồm mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Giáo dục thường xuyên) của các tỉnh, thành phố khá cao, từ 83,3% đến 95%.

Về tỷ lệ hài lòng, dịch vụ giáo dục công ở cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở có tỷ lệ hài lòng cao hơn cấp Trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học; trong 5 lĩnh vực dịch vụ giáo dục công thì lĩnh vực Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được

các đối tượng khảo sát ít hài lòng hơn cả; chất lượng dịch vụ giáo dục công đáp ứng khá tốt sự mong đợi/ kỳ vọng của cha mẹ học sinh cũng như học sinh.

2. Đánh giá chung

2.1. Về kết quả hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công

Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2019 đã khẳng định tính khoa học và khả thi của mô hình giả thuyết: Sự hài lòng của người dân phụ thuộc vào việc các cơ sở giáo dục công đáp ứng mong muốn của họ về năm lĩnh vực (i) tiếp cận dịch vụ giáo dục, (ii) điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, (iii) môi trường giáo dục, (iv) hoạt động giáo dục, và (v) sự phát triển và tiến bộ của người học. Trong đó, xác định được vai trò quan trọng của ba lĩnh vực “Cơ sở vật chất, trang thiết bị”, “Môi trường giáo dục” và “Kết quả giáo dục” đến sự hài lòng của người dân.

Có sự khác biệt hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ giáo dục công giữa các cấp học, người dân hài lòng nhất ở giáo dục mầm non và giảm dần đến giáo dục đại học. Điều này chứng tỏ yêu cầu của người dân càng cao ở các cấp học cao.

Kết quả khảo sát đã đáp ứng cơ bản mục tiêu đặt ra: đánh giá được một cách khoa học và khách quan chất lượng cung ứng dịch vụ của các cơ sở giáo dục công thông qua cảm nhận của những đối tượng trực tiếp thụ hưởng. Từ đó, ghi nhận tinh thần trách nhiệm của đội ngũ giáo viên và ban giám hiệu nhà trường, góp phần phát huy tinh thần dân chủ, quyền kiểm tra, giám sát của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

2.2. Những ưu điểm và hạn chế

Thứ nhất, về ưu điểm: Việc đo lường đánh giá sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công ở hầu hết các địa phương đã đảm bảo tuân thủ quy trình hướng dẫn ban hành theo Quyết định số 3476/QĐ-BGDĐT ngày 04/9/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ công cụ bám sát 5 thành phần và 22 tiêu chí cơ bản, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Việc xác định địa bàn khảo sát đảm bảo yêu cầu vùng miền (có địa bàn miền núi, đồng bằng và đô thị). Mẫu điều tra được xác định ngẫu nhiên, đảm bảo sự đa dạng mô hình nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu định lượng và định tính.

Việc điều tra, khảo sát được tiến hành độc lập, khách quan, trực tiếp đến những người đang hưởng thụ các dịch vụ giáo dục. Thông tin, dữ liệu thu thập bảo đảm độ tin cậy, độ giá trị cần thiết. Kết quả khảo sát phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng của người dân đối với việc cung cấp dịch vụ giáo dục công của ngành giáo dục.

Hình thức xin ý kiến trực tiếp từ đối tượng thụ hưởng giáo dục nhận được sự đồng tình, hợp tác tích cực của nhân dân. Hội đồng khảo sát địa phương làm việc nghiêm túc, hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

Thứ hai, một số tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền còn hạn chế, nên một bộ phận nhỏ đối tượng liên quan chưa hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công. Người dân ít có thói quen phản hồi thông tin nên hầu hết các phiếu điều tra không đề xuất ý kiến, nguyện vọng gì về việc nâng cao chất lượng

dịch vụ giáo dục công. Cá biệt một số người còn nê nang, e ngại ảnh hưởng đến việc học của con em, nên không dám đánh giá đúng thực chất.

Cán bộ Hội đồng khảo sát làm kiêm nhiệm, nên khá lúng túng khi tổ chức trả lời phiếu, nhập phiếu, phân tích, xử lý dữ liệu và viết báo cáo; kinh phí không được cấp riêng, chỉ sử dụng kinh phí thường xuyên; kế hoạch đo lường phải điều chỉnh nhiều lần do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Điểm hài lòng và tỉ lệ hài lòng của lĩnh vực Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là thấp nhất, đây là rào cản, thách thức lớn nhất mà ngành giáo dục vẫn luôn phải đối mặt. Vẫn còn một số nơi và ở một số giáo viên chưa thực sự chú trọng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Điều này dẫn đến các hoạt động giáo dục được tổ chức kém hiệu quả, môi trường giáo dục kém sự tương tác, và kết quả giáo dục chưa cao...

3. Một số đề xuất, kiến nghị nâng cao sự hài lòng của người dân

Thứ nhất, tạo thuận tiện để người dân tiếp cận dịch vụ giáo dục hiệu quả, chỉ đạo và giám sát đội ngũ công chức, viên chức quản lý, viên chức hành chính, viên chức giảng dạy thực hiện các quy trình, quy định về thủ tục hành chính, về tiến độ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và thời gian trả kết quả ngắn nhất có thể, đảm bảo chữ tín với người dân. Xây dựng các thủ tục đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện.

Đa dạng hóa nguồn cung cấp thông tin tuyển sinh, thủ tục nhập học/chuyển trường (qua Website, tin nhắn điện thoại, thư ngỏ, cuộc họp hội cha mẹ học sinh, họp với cộng đồng, loa đài truyền thanh xã/ phường,...) và bảo đảm cung cấp đầy đủ cho người dân

Đội ngũ công chức, viên chức quản lý, viên chức hành chính, viên chức giảng dạy phải nắm vững và thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh với người dân; đảm bảo điều kiện tiếp đón và thái độ giao dịch với người dân ở mức tốt nhất;

Thực hiện nghiêm túc các chính sách nhà nước hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng đặc biệt,... Thực hiện chế độ học phí và khoản đóng góp thêm một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của người dân địa phương.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non cần chú trọng việc tạo thuận tiện để người dân tiếp cận giáo dục hơn.

Thứ hai, nâng cao Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đây là thành tố có tác động quan trọng nhất đến sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục mầm non, Trung học phổ thông và Trung học cơ sở, có tác động quan trọng thứ hai ở các cấp học cao.

Thực hiện nghiêm túc việc chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng về: phòng học, phòng học bộ môn, phòng đa năng và các phòng chức năng; trang thiết bị dùng chung, thiết bị và đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em; điều kiện sân chơi bãi tập, nhà xưởng, nhà bếp; điện, nước và khu vệ sinh an toàn, sạch sẽ;... Đồng thời, chú ý đến bày trí cảnh quan, cây xanh bóng mát, tạo cảm giác thư thái, yên lành khi đưa con em đến trường.

Xây dựng kế hoạch triển khai công tác thẩm định và xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục và dần áp dụng các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế (đối với khối đại học);

Đầu tư xây dựng thư viện trường, lớp đáp ứng các yêu cầu tối thiểu: đủ sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu tham khảo; thuận tiện cho người sử dụng; tra cứu tìm kiếm dễ dàng;... Ở các nơi có điều kiện chuyển đổi sang thư viện số/ thư viện điện tử;

Xây dựng nền tảng công nghệ thông tin (máy vi tính, mạng Internet, máy chiếu Projector, bảng điện tử,...) để hỗ trợ tốt công tác giáo dục, đào tạo.

Thứ ba, cải thiện môi trường giáo dục, môi trường giáo dục là một thành tố tác động đến sự hài lòng của người dân ở mức độ quan trọng nhất với giáo dục Trung học phổ thông, quan trọng thứ hai với giáo dục Mầm non và Giáo dục Trung học cơ sở và giáo dục Đại học và quan trọng thứ ba với giáo dục Trung học và giáo dục Thường xuyên. Vì vậy, cần phải:

Củng cố, duy trì phong trào “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Trong đó các mối quan hệ của giáo viên với học sinh và học sinh với học sinh dựa trên nền tảng tin tưởng, cởi mở, tôn trọng, chia sẻ, không bạo lực, không kỳ thị...

Đẩy mạnh việc thực hiện các phương châm giáo dục cho trẻ mầm non và tiểu học như “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, “Học mà chơi, chơi bằng học”, “Giáo dục phải chính là cuộc sống của trẻ”...

Tạo môi trường phát triển thể chất, tâm sinh lý an toàn, lành mạnh; chú trọng uốn nắn hành vi ứng xử phù hợp với những quy định, quy tắc chuẩn mực sống (an toàn giao thông, vệ sinh thân thể, an toàn thực phẩm, kính trên nhường dưới...).

Coi việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là một vấn đề trọng tâm. Một môi trường sạch sẽ, an toàn, có sự bố trí phù hợp khu vực chơi và học trong lớp và ngoài trời; một môi trường giao tiếp cởi mở, thân thiện giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với nhau và giữa học sinh với mọi người xung quanh.

Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực (như: dạy học giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, đóng vai, trò chơi học tập), tổ chức các hoạt động lấy học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học để phát huy tiềm năng, phát triển năng lực cho học sinh.

Thứ tư, nâng cao chất lượng Hoạt động giáo dục, hoạt động giáo dục tác động đến sự hài lòng của người dân ở mức quan trọng nhất với giáo dục Đại học, quan trọng thứ tư với giáo dục Phổ thông, quan trọng thứ 5 với giáo dục Mầm non và giáo dục Thường xuyên. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục (học tập, giảng dạy và đánh giá) là:

Tạo cơ hội để người học được tham gia nhiều loại hình hoạt động như: Phát triển nhận thức; hình thành và rèn luyện các thói quen tốt, các hành vi ứng xử đúng đắn khi giao tiếp trong hoạt động, hình thành và phát triển các kỹ năng học tập suốt đời, các kỹ năng sống;... Tạo cơ hội phát triển tiềm năng của học sinh thông việc kích hoạt kinh nghiệm sống, tổ chức hoạt động theo cách riêng, tốc độ riêng;

Khuyến khích học sinh tích cực, chủ động tham gia hoạt động trải nghiệm, khám phá cuộc sống, giao lưu, sinh hoạt câu lạc bộ... Từ đó, hình thành ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm với bản thân, với bạn và với môi trường xung quanh.

Đổi mới nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức giáo dục, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học ở các cấp học

Thực hiện phương thức đánh giá kết quả giáo dục theo hướng: xem trọng tiến bộ trong quá trình học tập; đo lường sự phát triển năng lực của trẻ thông qua các hoạt động giáo dục;...

Tăng cường công tác hướng nghiệp từ Trung học cơ sở thông qua việc: cung cấp thông tin về thế giới ngành nghề, nhu cầu của thị trường lao động, những yêu cầu tố chất của người lao động trong từng ngành nghề, ý thức về nhu cầu, xu hướng hoạt động tương lai của bản thân;...

Thứ năm, cải thiện cách thức đánh giá năng lực người học, nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc việc đánh giá người học theo các Thông tư hướng dẫn đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường thu thập minh chứng về sự phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Từ đó điều chỉnh, cải thiện kế hoạch giáo dục cho phù hợp.

Thực hiện nghiêm túc việc đo lường, đánh giá kết quả giáo dục của người học, tránh hành vi gian lận, bao che, dung túng và thiên vị trong quá trình giáo dục và đào tạo.

Tăng cường phân cấp quản lý quá trình dạy học và đánh giá theo hướng gắn tự chủ với tự chịu trách nhiệm của trường, của giáo viên.

Nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý và tổ chức kiểm tra, đánh giá, thi của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ chuyên trách và giáo viên.

Thứ sáu, triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công hằng năm, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ nghiên cứu, tiếp tục đưa công tác đánh giá đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công vào Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 để cải thiện chất lượng dịch vụ công trên lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục bố trí nguồn kinh phí đầy đủ, thường xuyên theo Kế hoạch của Chính phủ đã phê duyệt để có thể tiến hành đo lường trên quy mô mẫu lớn, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy của kết quả đo lường; Tổ chức nghiên cứu, thiết kế xây dựng phần mềm đánh giá trực tuyến sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, thông qua nhiều loại công cụ khác nhau (như mạng internet, điện thoại thông minh, máy tính,...). Điều này sẽ tạo thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu, phân tích, xử lý dữ liệu và viết báo cáo ở cấp cơ sở giáo dục, cấp địa phương và cấp trung ương;

Các địa phương tổng kết, rút kinh nghiệm và vận dụng phương pháp đo lường này trong xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công tại địa phương mình và tổ chức đo lường theo định kỳ để kịp thời điều chỉnh hoạt động quản lý nhằm ngày càng đáp ứng sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công; Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai cụ thể hàng năm của mỗi cơ sở giáo dục, mỗi địa phương, coi chỉ số hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công là một chỉ số đầu vào quan trọng. Việc đo lường sự hài lòng cần thực hiện đầy đủ, đúng qui trình ở tất cả các khâu từ việc lập kế hoạch, chọn mẫu, tập huấn cho các đơn vị, cá nhân, phân tích xử lý dữ

liệu và viết báo cáo, nhằm đảm bảo thu được kết quả nghiêm túc, khách quan và khoa học. Mặt khác, chú trọng việc lập kế hoạch sử dụng hiệu quả kết quả đo lường sự hài lòng của người dân để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công của cơ sở giáo dục cũng như chất lượng giáo dục cấp tỉnh.

Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

NHỮNG BƯỚC CHÂN ĐẦU TIÊN CÔNG NGHIỆP SỐ CỦA VIỆT NAM

Trong biểu đồ phân loại Digital Economy Heat Map thể hiện tiến độ chuyển đổi sang nền kinh tế số hóa của các quốc gia, Việt Nam hiện đang ở nhóm “Sơ khởi” (STARTERS) và xếp thứ 41/50 quốc gia được khảo sát với các chỉ số đều dưới mức trung bình.

Bên cạnh đó, các thông số về mức độ chuyển đổi ICT, áp dụng công nghệ cốt lõi của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và số hóa nền kinh tế của Việt Nam đều thấp hơn dưới mức trung bình.

Khởi đầu

Mức độ sẵn sàng của Việt Nam tham gia vào cuộc chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp còn ở mức thấp. Việc tích hợp các công nghệ kỹ thuật số sẽ tạo áp lực lên các doanh nghiệp và Chính phủ để điều chỉnh các mô hình kinh doanh và khung pháp lý. Những thách thức khác cần phải đối mặt bao gồm thiếu dữ liệu, kỹ năng kém, thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và kỹ thuật số và kết nối hạn chế. Điều này đặc biệt đúng với những quốc gia đang phát triển và nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam.

Chính vì vậy, mục tiêu quốc gia: “Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp sẽ được triển khai theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: Xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động” của Việt Nam đang gặp nhiều thách thức.

Đối với nhiều doanh nghiệp Việt Nam, một số câu hỏi thường xuyên như: Chuyển đổi số là gì và làm thế nào để Chuyển đổi số có thể mang lại lợi ích cho doanh nghiệp? Doanh nghiệp nên bắt đầu từ đâu? Khoảng trống của doanh nghiệp để tiếp cận chuyển đổi số là gì? Cơ hội của doanh nghiệp ở đâu?...

Do đó, cần có Chỉ số xác định mức độ sẵn sàng với sản xuất thông minh để giải quyết những thách thức này.

Trên cơ sở đó, doanh nghiệp có thể xem xét toàn diện các yếu tố chính của cách mạng chuyển đổi số tác động đối với doanh nghiệp, bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu và khả năng thực tế của doanh nghiệp.

Chỉ số đánh giá

Hiện nay, trên thế giới, có khá nhiều các chỉ số đánh giá khả năng sẵn sàng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: Chỉ số đánh giá năng suất iBench 4.0 của Đài Loan (Manufacturing Industry Productivity Again, iBench 4.0), Chỉ số đổi mới kỹ thuật số của Đức (Digital Innovation Quotient, DIQ), Chỉ số về sản xuất thông minh của Hàn Quốc, Chỉ số sẵn sàng cho ngành công nghiệp thông minh của Singapore (Smart Industry Readiness Index, SIRI)...

Singapore là nước xuất khẩu hàng hóa công nghệ cao đứng thứ tư thế giới sau Mỹ, Trung Quốc và Đức. Sản xuất công nghiệp đang là một động lực chính của nền kinh tế Singapore, chiếm 20 - 25% GDP. Để giúp các doanh nghiệp dễ dàng xác định các tiêu chuẩn liên quan có thể được sử dụng để nâng cấp năng lực trong công nghiệp 4.0 của họ, Cơ quan Tiêu chuẩn hóa của Singapore (Enterprise Singapore) và Hội đồng Tiêu chuẩn Singapore đã phát triển Phác đồ tiêu chuẩn cho Chỉ số sẵn sàng cho ngành công nghiệp thông minh Singapore.

Singapore quan điểm rằng, Chính phủ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phải là Chính phủ Thông minh (Smart Government). Smart còn được hiểu là mô hình viết tắt của chiến lược (strategy), giám sát (monitoring), trách nhiệm giải trình (accountability), tư duy lại (rethinking) và niềm tin (trust). Trong đó, quan trọng nhất là đề cao trách nhiệm giải trình và tư duy lại.

Để thực hiện được điều này, Singapore áp dụng các chính sách hỗ trợ hoạt động thương mại, thuế cạnh tranh, một cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh và lực lượng lao động chất lượng cao, có khả năng thích ứng tốt. Singapore luôn ở tư thế sẵn sàng đón đầu và tận dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như trí tuệ nhân tạo (AI), robot, điện toán đám mây, công nghệ phân tích tiên tiến (advanced analytics), công nghệ in 3D nhằm tăng cường tính cạnh tranh của các ngành công nghiệp, củng cố vị thế là sự lựa chọn hàng đầu cho các nhà sản xuất.

Lựa chọn bộ Chỉ số của Việt Nam

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) cũng đang nghiên cứu bộ Chỉ số của Việt Nam đánh giá về sản xuất thông minh dựa trên Bộ Chỉ số SIRI của Singapore (SSIRI).

Chỉ số SSIRI là công cụ giúp các công ty đánh giá tốt hơn thực trạng của mình, đồng thời gợi ý các bước tiếp theo cần phải tiến hành để công ty có sức cạnh tranh và lợi nhuận cao hơn. Chỉ số SSIRI bao gồm ba nội dung (đặt nền móng cho ba nội dung này là tám tiêu chí nhỏ hơn) bao gồm về tổ chức (trụ cột về sẵn sàng nhân lực, trụ cột về cấu trúc và quản lý), công nghệ (trụ cột về tự động hóa, trụ cột về kết nối, trụ cột về thông minh) và quy trình (trụ cột về điều hành, trụ cột về chuỗi cung ứng, trụ cột về vòng đời sản phẩm).

Theo đó, 16 tham số đánh giá được xem xét chi tiết để xác định Chỉ số sẵn sàng tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bao gồm: 1. Mức độ tích hợp về quy trình và hoạt động, 2. Mức độ tích hợp trong quy trình và chuỗi cung ứng, 3. Mức độ tích hợp về vòng đời sản phẩm, 4. Mức độ tự động hóa tại phân xưởng sản xuất, 5. Mức độ tự động hóa của toàn doanh nghiệp, 6. Mức độ tự động hóa nội bộ, 7. Tính kết nối trong phạm vi phân xưởng sản xuất, 8. Mức độ kết nối ở cấp doanh nghiệp, 9. Tính kết nối ở cấp cơ sở, 10. Mức độ thông minh ở cấp phân xưởng sản xuất, 11. Mức độ thông minh ở cấp doanh nghiệp, 12. Mức độ thông minh ở cấp cơ sở, 13. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, 14. Năng lực lãnh đạo, 15. Hợp tác trong và ngoài doanh nghiệp, 16. Chiến lược và quản trị.

Để đánh giá, các doanh nghiệp sẽ lập biểu đánh giá và chấm điểm các tiêu chí. Đối với nội dung quy trình gồm các tiêu chí từ 1 đến 3, được chấm điểm từ 0 - 5, theo đó nếu mức chưa xác định (0 điểm), xác định (1 điểm), số hóa (2 điểm), kết nối (3 điểm), tự động hóa (4 điểm), thông minh (5 điểm). Nội dung công nghệ gồm các tiêu chí từ 4 đến 12, chấm điểm

theo 5 mức: không có (0 điểm), cơ bản (1 điểm), tiên tiến (2 điểm), hoàn toàn (3 điểm), linh hoạt (4 điểm), hội tụ (5 điểm). Đối với nội dung tổ chức gồm các tiêu chí từ 13 đến 16 chấm điểm theo 5 mức: Không chính thức (0 điểm), có kế hoạch (1 điểm), liên tục (2 điểm), kết nối (3 điểm), đáp ứng theo thực tế (4 điểm), có tầm nhìn (5 điểm).

Việc sử dụng bộ tiêu chí SSIRI sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam hiểu biết rõ hơn về công nghiệp 4.0, sản xuất thông minh, đánh giá được thực trạng hiện tại của công ty trên con đường tiến đến sản xuất thông minh, quá trình chuyển đổi số; đồng thời nhận dạng được những yếu kém trong từng lĩnh vực cụ thể để có những chính sách và cải tiến phù hợp.

Bên cạnh đó, bộ tiêu chí cũng có thể đóng vai trò như một hướng dẫn cho doanh nghiệp để rà soát các nội dung cần thiết khi tiến hành cải tổ và phát triển theo sản xuất thông minh nhằm có được sự phát triển bền vững và tận dụng được những cơ hội mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại.

Đến nay, đã có ít nhất trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ ban hành các văn bản có tính chiến lược và định hướng nhằm thích ứng với tiến độ phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát triển hạ tầng số và cách thức chuyển đổi số. Đây là vấn đề rất lớn và khó, buộc các quốc gia phải tính toán yếu tố nguồn lực, tiến hành từng bước và tập trung vào những ngành, lĩnh vực chính. Có nhiều cách làm khác nhau trong các chương trình quốc gia về công nghệ 4.0 để hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất hay phát triển hạ tầng số, Việt Nam cần tiếp thu có chọn lọc, đặc biệt từ các quốc gia có xuất phát điểm tương đồng trong khu vực.

Nguồn: kinhhtedothi.vn

QUYẾT LIỆT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 2021 - 2030, TẠO NỀN TẢNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP HỘI SINH

Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 được Chính phủ ban hành chỉ ra 6 nội dung cần cải cách mạnh mẽ, góp sức hỗ trợ các doanh nghiệp hội sinh.

Tập trung cải cách 6 nội dung

Nghị quyết nhằm quán triệt chủ trương của Đảng đưa cải cách hành chính trở thành một trong những đột phá phát triển đất nước; gắn cải cách hành chính đồng bộ với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo đó, Chương trình tập trung vào 6 nội dung: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới tập trung vào các lĩnh vực cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu

quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Đồng thời, cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

Tăng cường số hoá, giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp

Nghị quyết nêu rõ mục tiêu đến năm 2025, tập trung cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

Trước mắt, trong năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 40%, 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Phần đầu đạt tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

Đến năm 2030 phấn đấu đạt 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên. Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%. 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực danh diện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

Kết quả đạt được là mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%. Môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

Tạo nền tảng thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp hồi sinh

Chia sẻ về bước tiến trong thực hiện đơn giản hoá thủ tục khởi sự kinh doanh, gia nhập thị trường, cắt giảm thủ tục và chi phí tuân thủ các quy định liên quan hoạt động kinh doanh, Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) ông Bùi Anh Tuấn cho biết, trong năm 2020, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 quy định về lệ phí môn bài. Theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp thành lập mới sau khi Nghị định này có hiệu lực sẽ được miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12). Vì vậy, thủ tục khai, nộp lệ phí môn bài không còn thuộc 1/8 thủ tục của Quy trình khởi sự kinh doanh tại Việt Nam.

Theo ông Tuấn, đây sẽ là nền tảng thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp sớm hồi sinh ngay khi dịch được kiểm soát, góp phần thực hiện mục tiêu gia tăng số lượng doanh nghiệp thành lập mới và gia nhập thị trường. “Cải cách này kỳ vọng sẽ giúp quy trình khởi sự kinh doanh tại Việt Nam cắt giảm được 1 thủ tục, 1 ngày thời gian và cắt giảm 2.000.000 đồng chi phí. Đây là cải cách rất lớn về cắt giảm thời gian chi phí cho doanh nghiệp và đã được triển khai trong thực tế. Việc ghi nhận cải cách này sẽ cải thiện đáng kể thứ hạng của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới riêng đối với Chỉ số Khởi sự kinh doanh thời gian tới”, ông Tuấn nhấn mạnh.

Chương trình cũng đề ra mục tiêu xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

Đến năm 2030, phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Nguồn: kinhtevadubao.vn

CHÍNH PHỦ:

TỪ NGÀY 01/8, ÁP DỤNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO

Ngày 01/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 77/2021/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Nghị định quy định rõ thời gian tính hưởng và thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên. Cụ thể, thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên được xác định bằng tổng các thời gian sau: 1. Thời gian giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục công lập. 2. Thời gian giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập (đối với nhà giáo đang giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập mà trước đây đã giảng dạy, giáo dục ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập). 3. Thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên, gồm: thời gian làm việc được xếp lương theo một trong các ngạch hoặc chức danh của các chuyên ngành hải quan, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm, dự trữ quốc gia, kiểm tra đảng; thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên trong quân đội, công an, cơ yếu và thời gian làm việc được tính hưởng thâm niên ở ngành, nghề khác (nếu có). 4. Thời gian đi nghĩa vụ quân sự theo luật định mà trước khi đi nghĩa vụ quân sự đang được tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề.

Thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên gồm: a) Thời gian tập sự. b) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên. c) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. d) Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định. đ) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. e) Thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại các điểm a, b, c, d, đ nêu trên.

Nghị định cũng quy định cụ thể mức phụ cấp thâm niên. Theo đó, nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ 5 năm (60 tháng) được tính hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Từ năm thứ sáu trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

Phụ cấp thâm niên được tính trả cùng kỳ lương hàng tháng và được dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Các địa phương, cơ sở giáo dục công lập đã thực hiện chi trả chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo từ ngày 01/7/2020 đến nay, thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định này.

Nhà giáo đang giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập vẫn giữ ngạch viên chức ngành giáo dục, đào tạo (có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 15) mà chưa được chuyển xếp sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (mã số V07), chuyên

ngành giáo dục nghề nghiệp (mã số V09) thì vẫn được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CHÍNH SÁCH MỚI

CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 8/2021

Điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng; quy định mới về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; các biện pháp áp dụng trong tình huống khẩn cấp về thiên tai; chính thức bãi bỏ chứng chỉ tin học, ngoại ngữ cho công chức hành chính... là những chính sách mới có hiệu lực từ tháng 8/2021.

*** Điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng**

Có hiệu lực từ ngày 15/08/2021, Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ban hành ngày 10/06/2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, trong đó, quy định cụ thể điều kiện cấp giấy chứng nhận hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng.

Nghị định nêu rõ: Công ty thông tin tin dụng chỉ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy chứng nhận.

Một trong các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận là: Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau: Có tối thiểu 2 đường truyền số liệu, mỗi đường truyền của một nhà cung cấp dịch vụ; có cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống thông tin của tổ chức tham gia; có hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay; có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin; có phương án dự phòng thảm họa, bảo đảm không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng quá 4 giờ làm việc.

Bên cạnh đó, có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng; có người quản lý doanh nghiệp, thành viên ban kiểm soát đáp ứng yêu cầu...

*** Quy định mới về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập**

Có hiệu lực từ ngày 15/08/2021, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ban hành ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập nhằm khắc phục những hạn chế tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP bổ sung quy định cụ thể nguồn tài chính của sự nghiệp công lập theo hướng tách rõ nguồn thu. Cụ thể, nguồn thu hoạt động sự nghiệp gồm: Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công;

Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

*** Các biện pháp áp dụng trong tình huống khẩn cấp về thiên tai**

Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ban hành ngày 06/07/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều có hiệu lực từ ngày 20/08/2021.

Nghị định quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm huy động các nguồn lực để ứng phó với tình huống khẩn cấp. Các biện pháp chính gồm: 1. Huy động lực lượng, phương tiện và các nguồn lực để cứu hộ, cứu nạn; tổ chức cấp cứu kịp thời người bị nạn; nhanh chóng sơ tán, di dời nhân dân ra khỏi nơi nguy hiểm; bố trí bảo đảm hậu cần cho nhân dân tại nơi sơ tán. 2. Tổ chức việc tiếp nhận, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân; huy động các cơ sở khám chữa bệnh tham gia cứu chữa cho người bị nạn. 3. Cấp phát miễn phí lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để giúp nhân dân xử lý môi trường, phòng, chống dịch bệnh; cung cấp nước sạch, ổn định đời sống Nhân dân trong quá trình ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. 4. Huy động mọi nguồn lực (bao gồm cả nguồn lực từ Quỹ phòng, chống thiên tai) để xử lý khẩn cấp sự cố công trình phòng chống thiên tai, sự cố công trình xây dựng do thiên tai. 5. Các biện pháp cần thiết khác. 6. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của các bộ, ngành, địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ báo cáo Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ theo thẩm quyền.

*** Chính thức bãi bỏ chứng chỉ tin học, ngoại ngữ cho công chức hành chính**

Thông tư số 02/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức văn thư có hiệu lực từ 01/8/2021.

Điểm mới của Thông tư này là chính thức bãi bỏ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ về chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học của công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

Cụ thể, đối với ngạch Chuyên viên cao cấp, về tiêu chuẩn trình độ đào tạo bồi dưỡng, Thông tư số 02/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ chỉ yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp trở lên; bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị; chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp.

Đối với ngạch Chuyên viên chính, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng là: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp lĩnh vực công tác; có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch Chuyên viên chính.

Tương tự, ngạch Chuyên viên cũng chỉ cần bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành đào tạo phù hợp lĩnh vực công tác; có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên.

So với quy định hiện hành, tất cả ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư không còn cần chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Tuy nhiên, 2 loại công chức này phải có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương với yêu cầu của vị trí việc làm.

*** Quy định mới về nâng lương cán bộ, công chức, viên chức**

Có hiệu lực từ ngày 15/08/2021, Thông tư số 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV.

Theo đó, Thông tư số 03/2021/TT-BNV bổ sung thời gian cán bộ, công chức, viên chức tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự là một trong các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên.

Thông tư cũng bổ sung thêm 4 trường hợp về thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên gồm: 1. Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự). 2. Thời gian cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ. 3. Thời gian thử thách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên thì tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên. 4. Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

*** Giá nước sạch sinh hoạt cao nhất là 18.000 đồng/m³**

Thông tư số 44/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt có hiệu lực từ ngày 05/8/2021.

Theo đó, khung giá nước sạch được quy định như sau: Đô thị đặc biệt, đô thị loại 1 có mức giá tối thiểu 3.500 đồng/m³, tối đa 18.000 đồng/m³. Đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5 có mức từ 3.000 - 15.000 đồng/m³. Khu vực nông thôn có mức từ 2.000 - 11.000 đồng/m³.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: CÔNG BỐ DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Ngày 31/7, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà ký ban hành Quyết định số 843/QĐ-BNV công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Về Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ gồm 08 lĩnh vực và chế độ thông tin, báo cáo ngành Nội vụ, cụ thể:

Lĩnh vực tổ chức - biên chế: Báo cáo kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

Lĩnh vực công chức - viên chức: Báo cáo số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá xếp loại; Báo cáo số lượng, chất lượng và tiền lương cán bộ, công chức; Báo cáo số lượng, chất lượng và tiền lương viên chức.

Lĩnh vực chính sách tiền lương: Báo cáo kết quả thực hiện nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch, chức danh tương đương ngạch chuyên viên cao cấp; Báo cáo kết quả thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (loại A3).

Lĩnh vực cải cách hành chính: Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước quý, 6 tháng, năm và phương hướng, nhiệm vụ quý, 6 tháng, năm.

Lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Báo cáo định kỳ tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm; Báo cáo hoạt động hàng năm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Lĩnh vực văn thư, lưu trữ: Báo cáo Danh mục các dự án, công trình thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử; Báo cáo về tình hình cấp, quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.

Lĩnh vực quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ: Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý của quỹ ở địa phương; Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong cả nước; Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý của hội ở địa phương; Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các hội có phạm vi hoạt động trong cả nước.

Lĩnh vực công tác thanh niên: Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên.

Chế độ thông tin, báo cáo ngành Nội vụ: Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm ngành Nội vụ; Báo cáo tổng kết công tác năm ngành Nội vụ.

Tùy thuộc vào từng lĩnh vực, đối tượng thực hiện báo cáo là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan Trung ương các đoàn thể; Trường Chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm Chính trị cấp huyện; Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong cả nước.

Về Danh mục chế độ báo cáo định kỳ Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm 05 lĩnh vực, cụ thể:

Lĩnh vực tổ chức - biên chế: Báo cáo kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

Lĩnh vực công chức - viên chức: Báo cáo về công tác quản lý cán bộ, công chức; Báo cáo số lượng, chất lượng và tiền lương cán bộ, công chức; Báo cáo về đội ngũ viên chức; Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng viên chức và tiền lương viên chức; Báo cáo số lượng cán bộ, công chức,

viên chức được đánh giá xếp loại; Báo cáo kết quả xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân; Báo cáo về công tác quản lý hồ sơ công chức; Báo cáo về công tác quản lý hồ sơ viên chức.

Lĩnh vực thực hiện dân chủ ở cơ sở và công tác dân vận: Báo cáo kết quả thành lập tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Lĩnh vực quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ: Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của quỹ; Báo cáo về hoạt động chữ thập đỏ.

Lĩnh vực công tác thanh niên: Báo cáo việc thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên.

Nguồn: moha.gov.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG: CA LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG HẦM LÒ KHÔNG QUÁ 9,5 GIỜ/NGÀY

Đây là quy định tại Thông tư 04/2021/TT-BCT do Bộ Công Thương mới ban hành về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc trong hầm lò.

Thông tư nêu rõ, ca làm việc của người lao động trong hầm lò không quá 9,5 giờ trong 1 ngày. Ca làm việc của người lao động trong hầm lò là khoảng thời gian từ khi bắt đầu nhận nhiệm vụ tại nhà giao ca cho đến khi trở lại sân công nghiệp trên mặt bằng mỏ sau khi kết thúc công việc, bao gồm: Thời gian nhận nhiệm vụ, thời gian di chuyển từ nhà giao ca đến vị trí sản xuất và trở lại sân công nghiệp trên mặt bằng mỏ và thời giờ làm việc của người lao động tại vị trí sản xuất trong hầm lò.

Thời giờ làm việc của người lao động tại vị trí sản xuất trong hầm lò không quá 7 giờ trong 1 ngày và không quá 42 giờ trong 1 tuần. Thời giờ làm việc của người lao động tại vị trí sản xuất trong hầm lò là khoảng thời gian người lao động trực tiếp làm nhiệm vụ được giao tại vị trí sản xuất trong hầm lò đến khi kết thúc công việc tại vị trí làm việc, bao gồm cả thời gian nghỉ trong giờ làm việc.

Đối với làm thêm giờ, Thông tư quy định bảo đảm tổng số giờ làm việc của ca làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày; số giờ làm thêm không quá 300 giờ trong 1 năm.

Việc tổ chức làm thêm giờ phải được sự đồng ý của người lao động và tuân thủ quy định tại Điều 59 và Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với nghỉ chuyển ca; nghỉ hằng tuần; nghỉ lễ, tết; nghỉ hằng năm; nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương: Tuân thủ theo quy định tại Điều 110, Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 115 Bộ luật Lao động.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Quyết định điều động, phân công ông Nguyễn Long Hải, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định GS. TS. Tạ Ngọc Tấn, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016 - 2021 được cử làm Phó Chủ tịch Thường trực.

Quyết định PGS. TS. Nguyễn Văn Thành, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an, Phó Chủ tịch chuyên trách nhiệm kỳ 2016 - 2021 làm Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Quyết định GS. TS. Nguyễn Quang Thuần, Phó Chủ tịch chuyên trách nhiệm kỳ 2016 - 2021 làm Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Quyết định PGS. TS. Phạm Văn Linh, Phó Chủ tịch chuyên trách nhiệm kỳ 2016 - 2021 làm Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Quyết định ông Bùi Nhật Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam làm Phó Chủ tịch kiêm nhiệm.

Quyết định TS. Bùi Trường Giang, nguyên Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng.

Quyết định bổ nhiệm ông Lê Quốc Minh, Tổng Biên tập Báo Nhân dân kiêm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương và chỉ định giữ chức Bí thư Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Quốc hội:

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã ký ban hành Nghị quyết số 26/2021/QH15 phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Phạm Bình Minh, Lê Minh Khái, Vũ Đức Đam và Lê Văn Thành.

Cùng với đó, Chủ tịch Quốc hội cũng đã ký ban hành Nghị quyết số 27/2021/QH15 phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm chức vụ Bộ trưởng, thành viên khác của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an.
2. Ông Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
3. Ông Bùi Thanh Sơn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

4. Bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
5. Ông Lê Thành Long, Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
6. Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
7. Ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8. Ông Nguyễn Hồng Diên, Bộ trưởng Bộ Công Thương.
9. Ông Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
10. Ông Nguyễn Văn Thê, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
11. Ông Nguyễn Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
12. Ông Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
13. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
14. Ông Đào Ngọc Dung, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
15. Ông Nguyễn Văn Hùng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
16. Ông Huỳnh Thành Đạt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
17. Ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
18. Ông Nguyễn Thanh Long, Bộ trưởng Bộ Y tế.
19. Ông Hữu A Lệnh, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.
20. Bà Nguyễn Thị Hồng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
21. Ông Đoàn Hồng Phong, Tổng Thanh tra Chính phủ.
22. Ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Quốc hội quyết nghị phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước, theo đó ông Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ là Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh.

Quốc hội cũng phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước, theo đó các ông, bà có tên sau đây là Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh: Ông Vương Đình Huệ, Chủ tịch Quốc hội; ông Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an; ông Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và ông Bùi Thanh Sơn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

*** Thủ tướng Chính phủ quyết định:**

Bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Lâm, Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng Chất lượng công trình giao thông, Bộ Giao thông vận tải giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, kể từ ngày 06/8/2021.

Điều động, bổ nhiệm có thời hạn ông Phạm Đức Long, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày 06/8/2021.

Bổ nhiệm Đại tá Đỗ Xuân Tiệp, Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*** Thành phố Hà Nội:**

Ông Trần Thế Cường, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao TP. Hà Nội được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Đỗ Đình Hồng, Bí thư Huyện ủy Mê Linh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

Ông Nguyễn Mạnh Quân, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.

Bà Phạm Thị Thu Huyền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.

Nguồn: baohinhphu.vn